

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 32**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 48/TTr-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025, số 52/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025, số 57/TTr-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 chi tiết theo Biểu 01/THĐ.HĐ và các Biểu 1.1 đến Biểu 1.13 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu, về sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kết quả xử lý chuyển tiếp đối với những dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 9, khoản 10 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất

đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024) Điều 255 Luật Đất đai để làm cơ sở cho Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

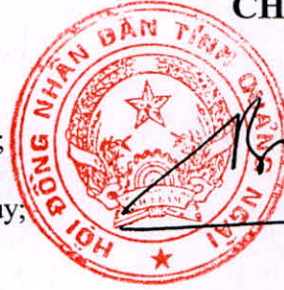
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân

Biểu 01/THĐ.HĐ:



BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên huyện	Số lượng công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Ghi chú
1	Thị xã Đức Phổ	21	201,84	177,33	Biểu 1.1
2	Huyện Ba Tơ	6	267,07	33,48	Biểu 1.2
3	Huyện Bình Sơn	52	540,32	175,14	Biểu 1.3
4	Huyện Nghĩa Hành	7	21,89	21,89	Biểu 1.4
5	Huyện Minh Long	8	45,94	26,90	Biểu 1.5
6	Thành phố Quảng Ngãi	61	901,31	875,37	Biểu 1.6
7	Huyện Sơn Tây	13	105,21	27,31	Biểu 1.7
8	Huyện Lý Sơn	3	1,51	0,24	Biểu 1.8
9	Huyện Mộ Đức	20	115,56	89,42	Biểu 1.9
10	Huyện Sơn Hà	32	690,97	576,33	Biểu 1.10
11	Huyện Tư Nghĩa	15	151,40	119,61	Biểu 1.11
12	Huyện Trà Bồng	80	306,69	228,37	Biểu 1.12
13	Huyện Sơn Tịnh	21	231,90	199,50	Biểu 1.13
	Tổng	339	3.581,61	2.550,89	

Biểu 1.1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A	Trong ngân sách									
I	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	KDC Bàu Lè	0,86	0,86		0,86	ODT	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 24,25,30 - phường Nguyễn Nghiêm)	Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/5/2024 của HĐND thị xã Đức Phổ về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Bàu Lè, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ	
2	Bệnh xá Đặng Thùy Trâm	0,42	0,42		0,42	DYT	Xã Phổ Cường	TBĐ số 31		
3	Kè chống sạt lở các điểm dọc sông Trà Câu	0,52	0,52		0,52	DPC	Phường Phổ Minh, Phường Phổ Ninh	Tờ BĐ ĐC 1,4 phường Phổ Minh; Tờ BĐ ĐC 3,5 phường Phổ Ninh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	
4	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Bến Bè (ĐH.43); Lý trình: Km2+688 – Km4+750,46	2,20	2,19		2,19	DGT	Phường Phổ Ninh, xã Phổ Nhơn	bản đồ địa chính số 8,9, 10 phường Phổ Ninh; số 14, 22 xã Phổ Nhơn	Quyết định số 9558/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND thị xã Đức Phổ, Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách cấp thị xã năm 2021 (đợt 1)	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 2.20 ha; đã thực hiện thu hồi 0.01 ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
5	Đường Phở Thuận - Phở Nhơn (ĐH.42D) (giai đoạn 2)	2,20	2,20		2,20	DGT	Xã Phở Thuận, xã Phở Nhơn	bản đồ địa chính số 27,28 Phở Thuận, bản đồ địa chính số 10,11,12 Phở Nhơn	Quyết định số 9558/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND thị xã Đức Phổ, Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách cấp thị xã năm 2021 (đợt 1)	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 2.20 ha
6	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	2,20	2,20		2,20	ODT	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 8; 9; 14	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 2.20 ha
7	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	2,75	2,75		2,75	ODT	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 5, 6	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 2.75 ha
8	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	10,57	4,16		4,16	ODT+DGT	Phường Phở Minh, Phường Phở Ninh	Tờ BĐ ĐC 4; 5 phường Phở Ninh; Tờ BĐ ĐC 4; 5; 9 phường Phở Minh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 10.57 ha; đã thực hiện thu hồi 6.41 ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
9	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Phố Phong (phần mở rộng) hạng mục: Giải phóng mặt bằng	6,40	6,40		6,40	SKN	xã Phố Phong	Tờ BĐ số 49	Công văn số 3471/UBND-CNXD ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ và thị xã Đức Phổ; Công văn số 6774/UBND-CNXD ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đức Phổ	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 6,40 ha
10	Khu tái định cư phục vụ dự án: Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài	10,70	10,70		10,70	ODT	phường Phố Minh	Tờ số 6, 10, 11 phường Phố Minh	Quyết định số 14718/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 10,70 ha
11	Đầu tư hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Rớ)	20,70	2,88		2,88	DTL	các phường: Phố Hòa, Phố Minh, Nguyễn Nghiêm	Tờ số 4,5,6 phường Phố Hòa; tờ số 29, 32 phường Nguyễn Nghiêm; tờ số 13,14,16 phường Phố Minh	Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 20.70 ha; đã thực hiện thu hồi 17.82 ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
12	Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phở Cường - Phở Khánh	0,40	0,13		0,13	DCT	Xã phở Khánh	Tờ BĐ số 49	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình dự án khác	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 0.40 ha; đã thực hiện thu hồi 0.27 ha
13	Đường Phạm Văn Đồng giáp Trần Hưng Đạo; Lý trình: Km0+987,5 - Km1+147,5	0,50	0,50		0,50	DGT	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BĐ số 1,2	Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao chi tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách cấp thị xã năm 2021	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 0,50 ha
14	Trạm đèn biển Sa Huỳnh	0,07	0,07		0,07	DGT	Phường Phở Thạnh	Tờ bản đồ số 40	Quyết định số 40/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 13/01/2023 Tổng Công ty Bảo đảm an toàn Hàng Hải Miền Bắc về phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 0,07 ha
B	Ngoài ngân sách									
I	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
15	Khu đô thị Bắc Sa Huỳnh	38,67	38,67		38,67	ODT	Phường Phô Thạnh	Tờ bản đồ số 17,23,24,26	UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 38,67 ha
16	Khu dân cư Nam Hùng Vương	12,76	12,76		12,76	ODT	Phường Phô Hòa	Tờ bản đồ số 4, 10, 11, 14	Danh mục các dự án phát triển nhà ở kêu gọi đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/11/2019. UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư tại QĐ số 805/QĐ-UBND ngày 26/7/2022; Chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 12,76 ha
17	Khu dân cư An Thường và chỉnh trang đô thị Đức Phô	9,61	9,61		9,61	ODT	Phường: Phô Hòa, Phô Vinh	Tờ bản đồ số 11 phường Phô Vinh; Tờ bản đồ số 6, 15 Phường Phô Hòa	UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 9,61 ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
18	Khu đô thị phía Đông đường Nguyễn Tất Thành	18,90	18,90		18,90	ODT	Phường Phổ Minh; Phở Vinh	Tờ BĐ số 17 phường Phở Minh; TBĐ số 12,17 phường Phở Vinh	UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 19/12/2023; chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 18,90 ha
II	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
19	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức Phổ	11,41	11,41		11,41	DRA	Xã Phở Nhon	Tờ bản đồ số 16,27	Đang lập hồ sơ xin cấp Chủ trương đầu tư	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 10,0 ha
20	Khu đô thị Đông Phở Ninh	56,74	56,74		56,74	ODT	Phường Phở Ninh, Phở Minh	Tờ số 4,5,8,9 phường Phở Minh. Tờ bản đồ số 4,5,13,14 phường Phở Ninh	Danh mục các dự án phát triển nhà ở kêu gọi đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/11/2019	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 56,74 ha
21	Khu đô thị Đông Phở Minh	50,00	50,00		50,00	ODT	Phường Phở Minh	Tờ số 10,11,12,14,15	Danh mục các dự án phát triển nhà ở kêu gọi đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/11/2019	Tổng diện tích đăng ký KH năm 2022 là 50,0 ha
	TỔNG CỘNG	201,84	177,33		177,33					

Biểu 1.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Trường mầm non Ba Giang (Đầu tư di dời Trung tâm HC mới xã Ba Giang)	0,22	0,22		0,22	DGD	Xã Ba Giang	Tờ 28 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 và tờ 13,14 BĐĐC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Giang	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Ba Tư về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	
2	Trường TH&THCS Ba Giang (Đầu tư di dời Trung tâm HC mới xã Ba Giang)	0,38	0,38		0,38	DGD	Xã Ba Giang	Tờ 28 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 và tờ 13,14 BĐĐC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Giang	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND huyện Ba Tư về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng hạ tầng CCN Ba Động	3,94	3,94		3,94	SKN	xã Ba Động, xã Ba Thành, huyện Ba Tư	Tờ 38,39,45 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Động và Tờ 60,68 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Thành	QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND huyện phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 CCN Ba Động	
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
4	Thủy điện Ba Vi	85,16	8,24	19,32	8,24	DNL, DGT	xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Ngạc; Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Tiêu;	QĐ 101/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt CTĐT và QĐ 1296/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, QĐ 190/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v chấp thuận điều chỉnh CTĐT đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Diện tích đăng ký KH 2019, 2022 là 81,73 ha nay xin điều chỉnh tăng thêm 3,43 ha, tổng diện tích KH 2025 là 85,16 ha (hiện đã thực hiện thu hồi 76,92 ha, còn lại 8,24 ha chưa thu hồi)
5	Thủy điện Sông Liên 1	126,50	11,08	100,56	11,08	DNL	xã Ba Động, xã Ba Thành, xã Ba Cung, xã Ba Vinh	Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Động; Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Thành; Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Vinh; Các tờ bản đồ địa chính xã Ba Cung..	Chủ trương đầu tư: Quyết định của UBND tỉnh: Số 703/QĐ-UBND ngày 18/04/2017; Số 606/QĐ-UBND ngày 12/07/2018; Số 1030/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; Số 78/QĐ-UBND ngày 30/01/2023; Số 147/QĐ-UBND ngày 01/02/2024; Số 747/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 126,50 ha; Đã thực hiện thu hồi 115,42 ha, còn lại 11,08 ha chưa thu hồi
6	Thủy điện Sông Liên 2	50,87	9,62	14,90	9,62	DNL	xã Ba Bích, xã Ba Lễ	Tờ bản đồ số 3,4,5,6,10,11 tỷ lệ 1/1000; tờ bản đồ số 2,3 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Lễ và tờ bản đồ số 53,54 tỷ lệ 1/1000; tờ bản đồ số 7,13 tỷ lệ 1/5000 xã Ba Bích	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 31/1/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt CTĐT và được điều chỉnh tại QĐ số 1297/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 và QĐ 377/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Tổng diện tích đăng ký KH 2019 là 50,87 ha; Đã thực hiện thu hồi 41,25 ha, còn lại 9,62 ha chưa thu hồi
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
Tổng cộng:		267,07	33,48	134,78	33,48					

Biểu 1.3



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích		Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng (ha)	Thêm (ha)					
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
A Trong ngân sách										
A.1 Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)										
1	Nhà sinh hoạt kết hợp tránh bão thôn Tây Phước	0,16	0,16		0,16	DVH	xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 47	Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
2	Nhà văn hóa Phước An	0,35	0,35		0,35	DVH	xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 37	Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
3	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Bình Nguyên	0,60	0,60		0,60	SKN	Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ 34, 37	Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 09/9/2024 phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật; NQ 33/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư dự án khởi công mới năm 2024	
4	Đê kè Bình Minh - Bình Trung, huyện Bình Sơn	9,00	9,00		9,00	DTL	xã Bình Minh và xã Bình Trung	Tờ bản đồ địa chính số 35, 36, 37, 38, 39, 55, 56 xã Bình Minh và 21, 22, 24 xã Bình Trung	Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Bình Sơn vv điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND huyện Bình Sơn về phân bổ kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2024; Nghị Quyết số 04/NQ-HĐND ngày 24/01/2024 của HĐND về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.	

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
5	Nhà văn hóa thôn Liên Trì	0,07	0,07		0,07	DVH	xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư và nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2020.	
6	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Liên Trì.	0,08	0,08		0,08	DVH	xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư và nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2020.	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.09 (Bình Minh – Bình An)	10,85	2,85		2,85	DGT	Xã Bình Minh và xã Bình An	Tờ bản đồ số 18, 27, 28, 42, 43, 53, xã Bình Minh và Tờ bản đồ số 41, 46, 47, 61, 66 xã Bình An	Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của UBND huyện Bình Sơn về việc điều chỉnh dự toán thu, phân bổ chi ngân sách huyện năm 2023	Công trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 với diện tích 8,0 ha, nay bổ sung diện tích thêm 2,85 ha; tổng diện tích quy hoạch thực hiện dự án là 10,85 ha.
8	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tri Bình, xã Bình Nguyên	0,28	0,28		0,28	SKC	xã Bình Nguyên; xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 22, 23 xã Bình Trung; Tờ bản đồ số 9, 21 xã Bình Nguyên.	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 3/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công trong năm 2022 vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và 1 số chương trình dự án khác.	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2022 chưa phát sinh thu hồi đất
9	Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô: Hạng mục khu tái định cư	2,46	2,46		2,46	ODT	Xã Bình Trung; Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ địa chính số 8; 18; 10 Xã Bình Trung; Tờ bản đồ địa chính số 42; 44 Thị trấn Châu Ô	Quyết định số 3132/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 2,46 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,6 ha
10	Dự án Đường từ ĐT621 đi Lê Ngung	0,30	0,30		0,30	DGT	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 12	Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2022 chưa phát sinh thu hồi đất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
11	Khu tái định cư của Đường từ ĐT 621 đi Lê Ngung	0,12	0,12		0,12	ODT	Thị trấn Châu Ó	Tờ bản đồ số 38	Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023	Công trình thuộc KHSDD năm 2022 chưa phát sinh thu hồi đất
12	Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	6,87	3,00		3,00	DGT	Xã Bình Minh và Bình Mỹ	Xã Bình Minh: tờ bản đồ số 53; Xã Bình Mỹ: tờ bản đồ số 1 và 9	Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc phân khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 để bố trí các dự án khởi công mới giai đoạn 2022 - 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 6,87 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,87 ha
13	Dự án Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Bình Nguyên - Quảng Ngãi	0,31	0,31		0,31	DNL	Xã Bình Long; Xã Bình Hiệp; Xã Bình Thanh	Tờ bản đồ số 8;13;14; 19 xã Bình Long; Tờ bản đồ số 5;10;14;18 xã Bình Hiệp; Tờ bản đồ số 10;14;18 xã Bình Thanh	Quyết định số 5738/QĐ-EVNPC ngày 8/7/2020 giao Ban quản lý dự án Điện nông thôn miền trung quản lý dự án đầu tư xây dựng Dự án Nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV Bình Nguyên - Quảng Ngãi (Núi Bút)	Công trình thuộc KHSDD năm 2021 chưa phát sinh thu hồi đất
14	Trường Mầm non Bình Hiệp	0,40	0,40		0,40	DGD	xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư và nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2019	Công trình thuộc KHSDD năm 2020 chưa phát sinh thu hồi đất
15	Công trình: Sửa chữa chợ Bình An	0,02	0,02		0,02	DCH	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 41	Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm và sửa chữa cơ sở vật chất năm 2022	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
16	Mở rộng trường tiểu học và THCS xã Bình An (cụm Thọ An)	0,04	0,04		0,04	DGD	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 37	Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giải quyết kinh phí cho các cơ quan, đơn vị	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
17	Trường Mẫu giáo xã Bình An (cụm Thọ An)	0,16	0,16		0,16	DGD	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 37	Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giải quyết kinh phí cho các cơ quan, đơn vị	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
18	Trường Mầm non Bình Hiệp (cụm Liên Trì Tây)	0,09	0,09		0,09	DGD	Xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 9	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư và nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2019	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
19	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Yên Tây	0,12	0,12		0,12	DVH	Xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 22	Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư và nhiệm vụ thực hiện các dự án từ nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2020	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
20	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.01	1,49	1,49		1,49	DGT	Xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 17; 18	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn khoá XII về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
21	Cải tạo mở rộng vỉa hè, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.02	2,30	2,30		2,30	DGT	Xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 7, 8, 10, 11	Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
22	Cải tạo mở rộng vỉa hè, nâng cấp mặt đường, trồng cây xanh cảnh quan trên tuyến đường huyện ĐH.03.	1,00	1,00		1,00	DGT	Xã Bình Dương, Thị trấn Châu ô	Tờ bản đồ số 46; 45	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn khoá XII về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Công trình thuộc KHSDD năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
23	Công trình: Khôi phục khả năng vận hành an toàn của Đường dây 110kV Tam Anh - Dốc Sỏi 500	0,04	0,04		0,04	DNL	Xã Bình Nguyên; xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 22 xã Bình Nguyên; Tờ bản đồ số 42; 52 xã Bình Chánh	Quyết định số 450/QĐ-HĐTV ngày 29/7/2022 của HĐTV Tổng công ty Điện lực miền trung về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023.	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
24	Trạm y tế xã Bình Tân Phú	0,41	0,41		0,41	DYT	Xã Bình Tân Phú	Tờ bản đồ số 107, 111, 112	Công văn số 2882/DKVN-VP ngày 28/4/2023 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận đề tập đoàn dầu khí Việt Nam thực hiện bổ sung các chương trình ASXH.	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
25	Trường mẫu giáo xã Bình Phước	0,36	0,36		0,36	DGD	xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 69	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
26	Nhà văn hoá xã Bình Phước	0,94	0,94		0,94	DVH	xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 69	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất
27	Công trình nước sạch trung tâm xã Bình Minh	0,26	0,26		0,26	DCT	xã Bình Minh	Tờ bản đồ số 39	Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (đợt 2); Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023	Công trình thuộc KHSĐĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
28	Khu dân cư Bầu Mây	2,03	2,03		2,03	ODT	Thị trấn Châu Ổ	Tờ bản đồ số 48; 49; 51; 52	Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022	Công trình thuộc KHSDD năm 2022 chưa phát sinh thu hồi đất
29	Nhà thờ chi hội tin lành Lê Thuý	0,25	0,25		0,25	TON	Xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 59; 60	Theo đề nghị của Hội Thánh Tin lành	Công trình thuộc KHSDD năm 2022 chưa phát sinh thu hồi đất
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
I	Ngoài phân khu Khu kinh tế Dung Quất									
30	Đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Khu kinh tế Dung Quất, giai đoạn 2 (đợt 2)	3,44	3,44		3,44	DRA	xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 1 và 3	<p>Dự án được Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất cấp GCN đầu tư số 65201000060 ngày 10/12/2007, điều chỉnh thay đổi lần 1 ngày 24/02/2010 và lần 2 ngày 05/11/2012</p> <p>Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 03/07/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020. Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và GPMB (điều chỉnh) dự án đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Khu kinh tế Dung Quất, giai đoạn 2(đợt 2)</p>	Ngoài phạm vi Khu Kinh tế Dung Quất; thu hồi đất theo Khoản 4 Điều 79
II	Trong phân khu Khu kinh tế Dung Quất									
II.1	Thuộc Phân khu công nghiệp Bình Hoà - Bình Phước									
31	Tuyến đường nối từ đường Võ Văn Kiệt vào Nhà máy Bột - Giấy VNT19	4,69	0,10		0,10	DGT	xã Bình Phước và xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 15; 51; 50; 53; 14; 21; 22 xã Bình Phước. Tờ bản đồ số 53; 54; 62 xã Bình Trị.		Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 4,69 ha; Đã thực hiện thu hồi 4,59 ha. Thuộc Phân khu công nghiệp Bình Hoà - Bình Phước.
32	Tuyến thoát nước mưa từ dự án nhà máy Bột - giấy VNT19	0,96	0,96		0,96	SKC	Xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 4; 11; 20 và 29.	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 28/5/2011 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 44/QĐ-BQL ngày 05/3/2025.	Công trình thuộc KHSDD năm 2021 chưa phát sinh thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp Bình Hoà - Bình Phước

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
33	Mở rộng Nhà máy Bột - Giấy VNT19	28,13	11,91		11,91	SKC	Xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 10; 11; 12; 13; 14; 20; 21; 22; 29.	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 28/5/2011 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 44/QĐ-BQL ngày 05/3/2025.	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2021 là 28,13 ha; Đã thực hiện thu hồi 16,22 ha. Còn lại 11,91 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp Bình Hoà - Bình Phước
II.2 Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất										
34	Dự án Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất	45,75	5,26		5,26	DGT	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 91, 92, 93 xã Bình Thuận.	Quyết định chủ trương đầu tư số 150/QĐ-BQL ngày 16/5/2019 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi chấp thuận nhà đầu tư: Công ty Cổ phần cảng tổng hợp Hòa Phát.	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 45,75 ha; Đã thực hiện thu hồi 40,49 ha. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
35	Dự án Bến số 3 - Khu bến cảng Dung Quất I (giai đoạn 2B)	2,50	2,50		2,50	DGT	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 6; 83; 84; 85.	Quyết định số 140/QĐ-BQL ngày 26/5/2022 về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
36	Tuyến thoát nước thải sau xử lý thuộc dự án Nhà máy Bột Giấy VNT19	3,89	3,89		3,89	SKC	Xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 23, 32, 33, 34, 43, 44, 45, 54, 55	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 28/5/2011 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 44/QĐ-BQL ngày 05/3/2025.	Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
37	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer Quảng Ngãi	7,24	2,34		2,34	SKK	Xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 23; 29; 30; 95; 99; 103	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 161/QĐ-BQL ngày 31/5/2023 (điều chỉnh lần thứ 01 tại Quyết định số 396/QĐ-BQL ngày 03/10/2023, điều chỉnh lần thứ 2 tại Quyết định số 37/QĐ-BQL ngày 26/02/2025).	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2023 là 7,24 ha; Đã thực hiện thu hồi 4,9 ha. Còn lại 2,34 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
38	Xưởng cơ khí Thượng Hải, Dung Quất	2,40	0,90		0,90	SKK	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số: 45 và 51	Dự án được Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 88/QĐ-BQL ngày 10/4/2017, điều chỉnh tại các Quyết định số 335/QĐ-BQL ngày 16/10/2017, số 361/QĐ-BQL ngày 14/11/2019 và số 414/QĐ-BQL ngày 12/10/2023	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2021 là 2,4 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,51 ha. Còn lại 0,9 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
39	Khu dịch vụ AIOS Dung Quất	4,00	1,00		1,00	SKK	xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 40;46	Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 101/QĐ-BQL ngày 19/4/2017	Tổng diện tích đăng ký KHSDD 2021 là 4,0 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,0 ha. Còn lại 1,0 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
40	Khu tổ hợp nhà xưởng, kho bãi và văn phòng cho thuê	42,30	42,30		42,30	SKK	xã Bình Thuận	Tờ bản đồ 39, 40, 45, 46, 51, 52, 58 và 59	Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 240/QĐ-BQL ngày 02/8/2019 (Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 203/QĐ-BQL ngày 25/8/2020. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại các Quyết định số 22/QĐ-BQL ngày 27/01/2022 và số 404/QĐ-BQL ngày 09/10/2023).	Công trình thuộc KHSDD năm 2021 chưa phát sinh thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
41	Kho chứa và khu vực phân phối các sản phẩm hóa dầu	2,23	2,23		2,23	SKK	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 52; 54	Dự án được Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 266/QĐ-BQL ngày 03/9/2019 của BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi và đã được điều chỉnh chủ trương đầu tư tại QĐ số 47/QĐ-BQL ngày 03/3/2023 và Quyết định số 241/QĐ-BQL ngày 02/8/2024	Công trình thuộc KHSDD năm 2021 chưa phát sinh thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
42	Dự án Khu Dịch vụ cơ khí Dầu khí Dung Quất	13,40	9,50		9,50	SKK	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 18, 24, 25, 100, 103, 46	Dự án được Ban Quản lý cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-BQL ngày 30/01/2019 và chấp thuận Điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 03/01/2023 và Quyết định số 103/QĐ-BQL ngày 10/4/2024, tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích 13,4ha; trong đó, diện tích giai đoạn 1: Khoảng 3,1ha và diện tích giai đoạn 2: Khoảng 10,3ha.	Tổng diện tích đăng ký KHSDD 2021 là 13,4 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,9 ha. Còn lại 9,5 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
43	Khu dịch vụ Bảo dưỡng, sửa chữa PMS	2,00	2,00		2,00	SKK	Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 79	Quyết định chủ trương đầu tư số 262/QĐ-BQL ngày 10/8/2018 của Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa PMS	Công trình thuộc KHSDD năm 2021 chưa phát sinh thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
44	Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2	276,33	36,43		36,43	SKK	Xã Bình Thuận, xã Bình Đông	Các tờ bản đồ số: 37, 38, 43, 44, 49, 50, 51, 56, 57, 58, 64, 65 xã Bình Thuận. Các tờ bản đồ số: 18, 19, 23, 24, 28, 29, 30, 31, 32, 35, 36, 37, 38, 39, 42, 43, 44, 95, 98, 99, 101, 102, 103, 106, 107 xã Bình Đông	Điều chỉnh theo Quyết định số 108/QĐ-BQL ngày 18/6/2021 của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư cho Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất để thực hiện dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2021 là 276,33 ha; Đã thực hiện thu hồi 239,90 ha. Còn lại 36,43 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
45	Dự án Cấp nước thô cho Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.	13,96	3,53		3,53	SKK	Bình Dương, Bình Đông, Bình Phước và xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 30, 36, 43, 50, 57, 63, 69, 73, 74, 112 xã Bình Đông, Tờ số 02 xã Bình Phước; tờ số 10, 13, 14, 15 xã Bình Dương và tờ số 37, 38, 40, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 63 và 64 xã Bình Trị	Quyết định chủ trương đầu tư số 1181/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 247/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2021 là 13,96 ha; Đã thực hiện thu hồi 10,43 ha. Còn lại 3,53 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
46	Bổ sung diện tích xây dựng Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất (đợt 1)	16,57	0,39		0,39	SKK	xã Bình Đông	Tờ bản đồ số 37; 38; 44; 45	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 06/02/2017; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 94/QĐ-BQL ngày 19/5/2021 và số 101/QĐ-BQL ngày 07/4/2023	Tổng diện tích đăng ký KHSDĐ 2020 là 16,57 ha; Đã thực hiện thu hồi 16,18 ha. Còn lại 0,39 ha chưa thu hồi đất. Thuộc phân khu công nghiệp phía đông Dung Quất
II.3 Thuộc Phân khu đô thị Châu ô và vùng phụ cận										
47	Khu dân cư chính trang Đông Nam mở rộng thị trấn Châu Ô	6,03	6,03		6,03	ODT+CCC+ DSN+TMD+ ...	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 24, 38 và 35	Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về chấp thuận nhà đầu tư	Thuộc Phân khu đô thị Châu ô và vùng phụ cận
48	Nút giao Quốc lộ 1A dự án khu dân cư Đông Nam Thị trấn Châu ô	0,05	0,05		0,05	DGT	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 30	Quyết định số 780/QĐ-UBND Ngày 7/5/2013 và được UBND tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 19/10/2020.	Công trình thuộc KHSDĐ năm 2023 chưa phát sinh thu hồi đất. Thuộc Phân khu đô thị Châu ô và vùng phụ cận
II.4 Thuộc Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất										

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
49	Nhà máy sản xuất và gia công cơ khí Lam Sơn	1,90	1,90		1,90	SKK	xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 11	Quyết định số 567/QĐ-BQL của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Cấp lần đầu ngày 25/12/2023)	Thuộc Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất
50	Dự án Nhà máy Nhựa Phúc Hà Dung Quất.	8,70	3,75		3,75	SKK	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 22, 33	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 310/QĐ-BQL ngày 22/9/2017; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 174/QĐ-BQL ngày 24/8/2021.	Tổng diện tích đăng ký KHSĐ 2021 là 8,7 ha; Đã thực hiện thu hồi 4,95 ha. Còn lại 3,75 ha chưa thu hồi đất. Thuộc Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất
51	Nhà máy Thép lá và ống thép Dung Quất	4,54	0,54		0,54	SKK	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 8, 12	Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 04/01/2022.	Tổng diện tích đăng ký KHSĐ 2022 là 4,54 ha; Đã thực hiện thu hồi 4,0 ha. Còn lại 0,54 ha chưa thu hồi đất. Thuộc Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất
52	Đầu tư kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê	7,95	4,70		4,70	SKK	Xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 11; 20; 21; 32.	Quyết định chủ trương đầu tư số 251/QĐ-BQL ngày 19/8/2019 của Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi về việc thống nhất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư kho bãi và nhà xưởng công nghiệp để cho thuê.	Tổng diện tích đăng ký KHSĐ 2020 là 7,95 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,25 ha. Còn lại 4,7 ha chưa thu hồi đất. Thuộc Phân khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
	Tổng cộng:	540,32	175,14	0,00	175,14					

Biểu 1.4



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Nhà văn hóa thôn Hòa Thọ	0,24	0,24		0,24	DVH	xã Hành Phước	Thửa 516, 559, 584, 585, 586 tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	
2	Trường mầm non xã Hành Dũng	0,07	0,07		0,07	DGD	xã Hành Dũng	Tờ 16 thửa 1069	- Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành - Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/08/2024 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (lần 3)	
3	Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa	8,15	8,15		8,15	DPC	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ địa chính số 11, 12, 13, 15 và 16 thị trấn Chợ Chùa	- Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa. - Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 10/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn tăng thu thực hiện ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022. - Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 23/05/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ nguồn tăng thu thực hiện ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 để thực hiện dự án: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa Nghị quyết số 22/2023/NĐ-HĐND ngày 22/09/2023 của HĐND tỉnh	KH 2023BS (QĐ 1202)

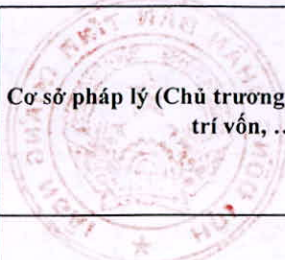
STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Đường tránh Đông, huyện Nghĩa hành	12,50	12,50		12,50	DGT	Xã Hành Thuận và TT Chợ Chùa	Tờ 11,13,17 (Hành Thuận); tờ 3,7, 12 (Chợ Chùa)	Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nghĩa Hành Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	KH 2023 (QĐ 1579)
5	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lâm	0,09	0,09		0,09	DVH	xã Hành Nhân	Thửa số 23 tờ 10	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc tặng thưởng công trình phúc lợi Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
6	Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân	0,71	0,71		0,71	ONT	xã Hành Nhân	Tờ bản đồ số 8, 9 xã Hành Nhân	Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền sử dụng đất Dự án Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 20 về việc thông qua danh mục công trình dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2020
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Nghĩa Hành	0,13	0,13		0,13	TMD	TT Chợ Chùa	Thửa đất số 377, tờ bản đồ số 21	Công văn số 677/UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi và bàn giao đất tại vị trí số 33 (Trụ sở Chi cục thuế cũ) cho Agribank Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi để làm thủ tục thuê đất và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
B	Ngoài ngân sách									
	Tổng cộng:	21,89	21,89		21,89					



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Đường và kè chống sạt lở từ Xóm Mới đến Suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long (Hạng mục: Kéo dài hạng mục kè về phía thượng lưu của dòng Suối tía 750m)	2,00	2,00		2,00	DTL	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 2; 5, tỉ lệ 1/1000 và Tờ bản đồ số 47 tỉ lệ 1/5000 xã Long Hiệp; Tờ bản đồ số 57, tỉ lệ 1/1000 xã Long Mai.	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh hỗ trợ và ngân sách huyện; Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/9/2024 của HĐND huyện Minh Long về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường và kè chống sạt lở từ Xóm Mới đến Suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long.	Đăng ký hạng mục mới
2	Khu dân cư Đồng Vông (1,7 ha) (GD1)	0,22	0,22		0,22	ONT+CCC+ ...	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 0,4; 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	Công trình được thông qua tại Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 nay xin thêm diện tích 0,22 ha.

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
3	Khu dân cư Đồng Xoài	0,650	0,650		0,650	ONT+CCC+ ...	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10; 14 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	 <p>QĐ số 1732/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2024, nhóm C; QĐ số 352/QĐ-UBND ngày 26/04/2024 của UBND huyện Minh Long, về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách huyện và nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025 (đợt 2); Quyết định số 302a/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của CT UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật Khu dân cư Đồng Xoài</p>	
4	Trường mầm non Long Mai (Trường Mẫu Giáo xã Long Mai)	0,33	0,33		0,33	DGD	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 50, tỉ lệ 1/1000, xã Long Mai	<p>Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện Minh Long về việc phê duyệt BCKTKT công trình Trường mầm non Long Mai; Quyết định 1723/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của chủ tịch UBND huyện Minh Long</p>	
5	Trạm Y tế xã Long Mai	0,20	0,20		0,20	DYT	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 50 tỷ lệ 1/1000	<p>Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trạm y tế xã Long Mai</p>	
6	Trạm Y tế xã Long Môn	0,32	0,32		0,32	DYT	Xã Long Môn	Tờ bản đồ số 10 tỷ lệ 1/1000 và tờ bản đồ 05 tỷ lệ 1/5000	<p>Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Trạm y tế xã Long Môn</p>	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
7	Đường và kè chống sạt lở từ xóm Mới đến Suối Tía xã Long Hiệp, huyện Minh Long	6,80	0,26		0,26	DGT; DTL	Xã Long Mai; xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 58, xã Long Mai; Tờ bản đồ số 2, 4, 5, 9, 57, 58, 63 xã Long Hiệp	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường và kè chống sạt lở từ xóm mới đến suối Tía, xã Long Hiệp, huyện Minh Long; Công văn 6313/UBND-KTTH Về việc triển khai thực hiện, lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt các dự án dự kiến khởi công mới năm 2022 từ nguồn vốn đầu tư công; Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh hỗ trợ và ngân sách huyện;	(Công trình được thông qua tại Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 và xin điều chỉnh được thông qua tại Nghị Quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 và Nghị Quyết 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022). Tổng diện tích đăng ký mới và điều chỉnh KHSĐ đất năm 2022 là 6,8 ha; Đã thực hiện thu hồi 6,54 ha.	
B	Ngoài ngân sách										
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)										
8	Dự án Thủy điện Sơn Linh	35,42	22,92		22,92	DNL	Xã Long Môn	Tờ bản đồ số 4, 15 tỉ lệ 1/5000, xã Long Môn	Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Sơn Linh số 625/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 10/QĐ-UBND ngày 03/1/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.		
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)										
	Tổng cộng:	45,94	26,90	0,00	26,90						

Biểu 1.6



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi	8,08	8,08		8,08	DKV	phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 10, 19, 20, 24, 25	QĐ số: 647/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương	
2	Trường TH và THCS Chu Văn An	1,26	1,26		1,26	DGD	phường Trần Phú	Tờ bản đồ số 28, 36	QĐ số: 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
3	Khu dân cư dọc đường Nguyễn Tri Phương nổi dài (Bắc Sông Bàu Giang)	4,9	4,9		4,9	ODT...	Phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 10, 11	QĐ số: 3069/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
4	Đầu tư, nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố (Trường mầm non Nghĩa An)	0,11	0,11		0,11	DGD	xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 07, 22	QĐ số: 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
5	Đầu tư, nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố (Trường mầm non Nghĩa Phú)	0,42	0,42		0,42	DGD	xã Nghĩa Phú	Tờ bản đồ số 10	QĐ số: 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
6	Đường từ Cầu An Phú đến ven biển xã Nghĩa An	1,08	1,08		1,08	DGT	xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 2, 3, 4, 5	QĐ số: 4569/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
7	Xây dựng mới chợ Nghĩa An	0,5	0,5		0,5	DCH	xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 4	QĐ số: 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
8	Thoát nước, chống ngập nút giao thông đường vào Trung tâm xã (đầu nối đường Hoàng Sa), xã Tịnh Long	0,13	0,13		0,13	DCT	Xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
9	Vườn hoa, sân tập, thiết bị TDTT Khu dân cư thôn Gia Hòa	0,19	0,19		0,19	DKV	Xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 16	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND xã Tịnh Long về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thuộc vốn ngân sách xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã	
10	Vườn hoa Khu dân cư Đội 2 thôn Gia Hòa	0,06	0,06		0,06	DKV	Xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 16	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND xã Tịnh Long về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024 thuộc vốn ngân sách xã; Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của UBND xã Tịnh Long về việc phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
11	Cầu Bàu Xóm, xã Tịnh Thiện	0,25	0,25		0,25	DGT	Xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 20, 21, 34, 35, 36, 37,	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
12	Khu dân cư Trung tâm xã Tịnh Ấn Tây (phía Tây đường dẫn Cầu Thạch Bích - nối Tịnh Phong)	12,44	12,44		12,44	ONT...	Xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 6, 9	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
13	Khu đô thị mới tại xã Tịnh Ấn Tây và phường Trương Quang Trọng	16,71	16,71		16,71	ONT, ODT..	Xã Tịnh Ấn Tây và phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 7 xã Tịnh Ấn Tây, Tờ bản đồ số 4 phường Trương Quang Trọng	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
14	Nghĩa trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	21,39	21,39		21,39	NTD	Xã Tịnh Ấn Đông	Tờ bản đồ số 5, 8	Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	
15	Mở rộng trường Tiểu học Lê Hồng Phong	0,03	0,03		0,03	DGD	phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 27, 28	QĐ số: 5271/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phân bổ dự toán kinh phí để Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện sửa chữa, cải tạo các Trường: Tiểu học Lê Hồng Phong, Tiểu học và THCS Trần Quý Hai, THCS Nguyễn Cát	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
16	Chính trang Khu dân cư Gò Đai	0,27	0,27		0,27	ODT...	phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 01, 26	QĐ số: 4702/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	
17	Xây dựng tường rào cổng ngõ, bê tông sân nền, 08 phòng hiệu bộ và phòng chức năng Trường THCS Tịnh Kỳ	0,1	0,1		0,1	DGD	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 15	QĐ số 240/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 2018	
18	Đầu tư, nâng cấp trường Trường TH số 1 Trương Quang Trọng	0,16	0,16		0,16	DGD	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 8	Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự Đầu tư, nâng cấp các trường tiểu học trên địa bàn thành phố	
19	Đường Trà Bồng - Khởi Nghĩa (đoạn từ Cách Mạng tháng 8 đến đường Quang Trung	1,33	1,33		1,33	DGT	phường Nghĩa Chánh; phường Nguyễn Nghiêm và 30 phường Nghĩa Chánh	Tờ 14,15 phường Nguyễn Nghiêm và 30 phường Nghĩa Chánh	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	
20	KDC phía Nam đường Trần Văn Trà	3,72	2,01		2,01	ODT...	phường Trương Quang Trọng; xã Tịnh An	Tờ 17+18 Trương Quang Trọng và 4+8+9 Tịnh An	Quyết định số 5175/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi; Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phân bổ vốn đầu tư năm 2023 điều chỉnh	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 3,72ha; Đã thực hiện thu hồi 1,71 ha
21	Hoàn thiện, chống quá tải lưới điện khu vực phía Đông thành phố Quảng Ngãi năm 2023	0,02	0,02		0,02	DNL	xã Nghĩa Đông; xã Nghĩa Phú		Quyết định số 450/QĐ-HĐTV ngày 29/7/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	
22	Khu dân cư kết hợp chính trang đô thị tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	7,22	7,22		7,22	ODT...	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 15, 34, 37	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 31/07/2023 của UBND thành phố Quảng Ngãi	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
23	Hạ tầng và Khu dân cư An Vĩnh, xã Tịnh Kỳ	0,12	0,12		0,12	ONT...	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 20, 16	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	
24	Trạm biến áp 110kV Mỹ Khê và đấu nối	0,15	0,15		0,15	DNL	xã Tịnh Châu	Tờ bản đồ số 1, 3	QĐ số 4813/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV; Quyết định số 6819/QĐ-EVN CPC ngày 10/8/2020 của Tổng	
25	Mở rộng trường Tiểu học Nghĩa Chánh (cơ sở 1)	0,63	0,63		0,63	DGD	phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 01	QĐ số 1789/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm 2015	
26	Trường giáo dục trẻ khuyết tật tỉnh: Bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà hiệu bộ, tường rào.	0,12	0,12		0,12	DGD	phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 33	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017	
27	Nhà văn hóa xã Tịnh Khê	0,33	0,33		0,33	DVH	xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Danh mục dự án năm 2013 để thực hiện trong năm 2024 thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng về xây dựng nông thôn mới	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
28	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Bình Nguyên - Quảng Ngãi	0,36	0,36		0,36	DNL	xã Tịnh Ân Đông; phường Trương Quang Trọng; phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 10, 14, 17, 20, 40 phường Trương Quang Trọng; Tờ bản đồ số 1, 3, 12, 20, 22, 27 phường Nghĩa Chánh; Tờ bản đồ số 4, 7, 11, 15 xã Tịnh Ân Đông	QĐ số 4813/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV	
29	Nút giao thông đường Hùng Vương - Trần Quý Hai (thuộc dự án đường Trần Quý Hai)	0,03	0,03		0,03	DGT	phường Trần Phú	Tờ bản đồ số 3,12	QĐ số: 4813/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	
30	Mở rộng nút giao thông ngã 5 cũ	0,7	0,65		0,65	DGT	phường Nghĩa Lộ; phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 17, 18 phường Nghĩa Lộ, tờ bản đồ số 11, 12 phường Nguyễn Nghiêm	QĐ số: 4813/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 0,70ha; Đã thực hiện thu hồi 0,05ha
31	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ KDC An Phú Sinh đến đường Trần Thủ Độ và đoạn từ Chợ Nông Sản đến đường Trần Khánh Dư)	1,23	1,20		1,20	DGT	phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 15, 17	Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Quảng Ngãi	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 1,23ha; Đã thực hiện thu hồi 0,03ha

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
32	Đường Trương Quang Cận (đoạn từ Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	0,62	0,62	0,02	0,02	DGT	phường Chánh Lộ	Tờ bản đồ số 01, 02 phường Chánh Lộ	Quyết định 3218/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND thành phố; phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình đường Trương Quang Cận, thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đường Lê Đại Hành đến đường Lương Thế Vinh)	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 0,62ha; Đã thực hiện thu hồi 0,60 ha
33	Tuyến đường nối từ đường Trần Anh Tông đến khu dân cư 623C Nghĩa Dũng	1,05	0,47		0,47	DGT	xã Nghĩa Dũng	Tờ bản đồ số 17, 22	Quyết định số 7922/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 1,05ha; Đã thực hiện thu hồi 0,58 ha
34	KDC Nghĩa Dũng (phía Đông tỉnh lộ 623C) phục vụ TĐC dự án đường Bờ Nam Sông Trà Khúc	6,55	0,66		0,66	ONT...	xã Nghĩa Dũng	Tờ bản đồ số 1, 2	Công văn số 235/UBND ngày 06/02/2013 của UBND thành phố về vi thông báo thu hồi đất của một số tổ chức và hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng thuộc xã Nghĩa Dũng để xây dựng sự án: KDC Nghĩa Dũng (phía Đông tỉnh lộ 623C) phục vụ TĐC dự án đường Bờ	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 6,55ha; Đã thực hiện thu hồi 5,89 ha
35	Đường Nguyễn Cư Trinh và đoạn nối từ Mạc Đĩnh Chi đến Phan Bội Châu và vườn hoa nút giao Phan Bội Châu	0,77	0,07		0,07	DGT	phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 34, 35	QĐ số 4784/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 2018-2020 và giao nhiệm vụ thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2019 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 0,77ha; Đã thực hiện thu hồi 0,70 ha
36	Đường Lê Thánh Tôn nối dài	0,79	0,10		0,10	DGT	xã Nghĩa Đông; phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 13,14, 39 phường Nghĩa Chánh, tờ bản đồ số 20, 21 xã Nghĩa Đông	QĐ số 9448/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố	Tổng diện tích đăng ký KH 2015 là 0,79ha; Đã thực hiện thu hồi 0,69 ha

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
37	Khu dân cư Yên Phú	6,28	0,04		0,04	ODT...	phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ số 01	QĐ số 790/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2017 là 6,28ha; Đã thực hiện thu hồi 6,24 ha
38	Đường Nguyễn Tự Tân (đoạn từ Trương Định đến Trần Thái Tông)	0,36	0,013		0,013	DGT	phường Trần Phú	Tờ bản đồ 32, 33	QĐ số 6152/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc kế hoạch đầu tư công năm 2025 thuộc nguồn vốn ngân sách địa phương	Tổng diện tích đăng ký KH 2016 là 0,36ha; Đã thực hiện thu hồi 0,347 ha
39	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	3,47	2,872		2,872	DGT	xã Tịnh An Đông	Tờ bản đồ 1, 2, 3	Quyết định số: 1928/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà	Tổng diện tích đăng ký KH 2019 là 3,47ha; Đã thực hiện thu hồi 0,598 ha
40	Xây dựng mới Nhà làm việc UBND xã Tịnh Kỳ	0,53	0,06		0,06	TSC	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 8, 9	QĐ số: 4061/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 0,53ha; Đã thực hiện thu hồi 0,47ha
41	Khu dân cư Tịnh Kỳ (giai đoạn 2)	3,00	0,78		0,78	ONT...	xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 04, 14	QĐ số 684a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020	Tổng diện tích đăng ký KH 2017 là 3,00ha; Đã thực hiện thu hồi 2,22 ha

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	
42	Trạm biến áp 110kV Mỹ Khê và đấu nối	1,37	0,78		0,78	DNL	xã Tịnh Ân Đông; xã Tịnh Hòa; xã Tịnh Khê; xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 10, 11, 14 (xã Tịnh Khê); Tờ bản đồ số 10, 11, 14 (xã Tịnh Thiện); Tờ bản đồ số 29 (xã Tịnh Hòa); Tờ bản đồ số 4 (xã Tịnh Ân Đông)	QĐ số 4813/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV	Tổng diện tích đăng ký KH 2019 là 1,37ha; Đã thực hiện thu hồi 0,59 ha	
B	Ngoài ngân sách										
<i>B.1</i>	<i>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)</i>										
43	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi	31,49	31,49		31,49	ODT...	phường Nghĩa Lộ	Tờ bản đồ: 02, 03	Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi	đã có văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư	
44	Khu Đô thị Bàu Giang	24,52	24,52		24,52	ODT...	phường Chánh Lộ; phường Nghĩa Lộ	phường Chánh Lộ (Tờ bản đồ số 6, 7, 9, 10); phường Nghĩa Lộ (Tờ bản đồ số 9, 10, 12, 13)	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quyết định chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án	đã có văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư	
45	Khu dân cư Nhân Hòa	4,96	4,96		4,96	ODT...	phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 19, 31, 34	- UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 05/7/2022; - UBND tỉnh chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 07/12/2022; - Đã được UBND thành phố Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500		

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú	
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	
46	Khu dân cư phía Đông đường Trần Khánh Dư	7,45	7,45		7,45	ODT...	xã Nghĩa Đông, phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 6 xã Nghĩa Đông, Tờ bản đồ số 18 phường Nghĩa Chánh	- UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 20/5/2022; - UBND tỉnh chấp thuận Nhà đầu tư tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 22/11/2022; - Đã được UBND thành phố phê duyệt QHCT 1/500: QĐ số 514/QĐ-UBND ngày 06/02/2024;		
47	Khu dân cư Đông Sơn Mỹ	5,43	0,88		0,88	ONT...	xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 8, 12, 30, 31	QĐ số 258/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án		
48	Khu dân cư phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp	5,00	5,00		5,00	ONT...	xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 8, 9, 11, 20	Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án		
49	Dự án đầu tư và khai thác hạ tầng Khu dân cư kết hợp dịch vụ thể thao Hưng Thành Phát	2,85	2,85		2,85	ONT,...	xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 10, 12, 22	Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án		
50	Nhà máy nước Quảng Ngãi	1,58	0,19		0,19	DTL	phường Quảng Phú	Tờ bản đồ số: 3, 4, 7, 15, 20, 24, 25	Chấp thuận chủ trương và điều chỉnh tại các Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 03/9/2020; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	Tổng diện tích đăng ký KH 2017 là 1,58ha; Đã thực hiện thu hồi 1,39 ha	
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)										

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
51	Nhà hóa táng Tịnh Ân Đông	0,58	0,58		0,58	NTD	Xã Tịnh Ân Đông	Tờ bản đồ số 8	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
52	Khu đô thị mới tại xã Nghĩa Dũng	69,29	69,28		69,28	ONT, ODT...	xã Nghĩa Dũng	Tờ bản đồ số 10, 12, 29	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
53	Khu đô thị phía Đông tuyến tránh Quốc lộ 1A	48,51	48,51		48,51	ODT...	phường Trương Quang Trọng; xã Tịnh An; xã Tịnh Ân Đông	Tờ bản đồ số 9, 10, 13, 14 phường Trương Quang Trọng, Tờ bản đồ số 01 xã Tịnh An, Tờ bản đồ số 14, 15, 16 xã Tịnh Ân Đông	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
54	Khu đô thị bờ Bắc kết hợp chỉnh trang đô thị thành phố Quảng Ngãi	44,16	44,16		44,16	ONT...	xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 5, 8, 9, 10, 22, 23, 26, 27	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
55	Khu đô thị Tịnh An - Tịnh Long	35,62	35,62		35,62	ONT...	xã Tịnh An; xã Tịnh Long, xã Tịnh Châu	Tờ bản đồ số 7 xã Tịnh An, Tờ bản đồ số 3, 4, 8, 9, 16 xã Tịnh Long, tờ bản đồ số 13, 24 xã Tịnh Châu	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
56	Khu đô thị mới Nghĩa Hà	38,92	38,92		38,92	ONT...	xã Nghĩa Dũng; xã Nghĩa Hà	Tờ bản đồ số 1, 4, 5 xã Nghĩa Hà, Tờ bản đồ số 16 xã Nghĩa Dũng	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
57	Công viên Nghĩa Trang Vĩnh Hằng	115,5	115,5		115,5	NTD	xã Tịnh An Đông	Tờ bản đồ số 4, 5, 6, 7, 8	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
58	Khu đô thị Tịnh Long	76,3	76,3		76,3	ONT...	xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 2, 6, 7, 11, 12, 20, 25	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
59	Mở rộng cơ nhi viện Phú Hòa	0,24	0,24		0,24	DXH	xã Tịnh An Tây	Tờ bản đồ số 11, 21	Công văn số 3715/UBND -NC ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết xin giao đất để mở rộng công trình Cơ nhi viện Phú Hòa	
60	Công viên Quảng Trường biển, kết hợp khu đô thị - dịch vụ sinh thái thành phố Quảng Ngãi	229,0	229,0		229,0	ONT,...	xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 13, 16, 17, 19, 20, 22, 23, 35, 39, 42, 45, 46, 47, 48, 49, 50	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
61	Khu Đô thị VSIP Quảng Ngãi - giai đoạn 1B	55,34	55,34		55,34	ODT,...	phường Trương Quang Trọng; xã Tịnh An Tây	Tờ bản đồ số 4, 6, 7, 8, 11, 12, 25 phường Trương Quang Trọng và tờ bản đồ số 9, 10, 11, 12, 13, 15, 19, 23, 25 xã Tịnh An Tây	Để lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
	Tổng cộng:	901,31	875,37	0,02	874,77					

Biểu 1.7

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN SON TÂY
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Khu hoạt động văn hóa thể dục thể thao thôn Tu La	0,18	0,18		0,18	DVH	Xã Sơn Mùa	Tờ BĐĐC số 3, xã Sơn Mùa	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Khu trung tâm TDTT xã Sơn Tân	1,27	1,27		1,27	DTT	Xã Sơn Tân	Tờ BĐĐC số 6, xã Sơn Tân	Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Tây về việc giao và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sơn Tây	
3	Đường Ra Manh - Long Vót	2,00	2,00		2,00	DGT	Xã Sơn Long	Tờ BĐĐC số 12; 15, xã Sơn Long	Quyết định 1977/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Huyện Sơn Tây v/v giao và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công 2024 thực hiện chương trình MTQG GNBV trên địa bàn huyện Sơn Tây. Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 12/07/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc giao và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Sơn Tây	
4	Trường PT DTBTTH & THCS Sơn Dung (điểm chính)	1,00	1,00		1,00	DGD	Xã Sơn Dung	Tờ BĐĐC số 5, xã Sơn Dung	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	
5	Xây mới khu sinh hoạt, hoạt động văn hóa thể dục thể thao thôn Nước Mìn	0,70	0,70		0,70	DVH	Xã Sơn Mùa	Tờ BĐĐC số 10, xã Sơn Mùa	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
6	Khu sinh hoạt, hoạt động văn hóa thể dục thể thôn Huy Ra Long	0,20	0,20		0,20	DVH	Xã Sơn Mùa	Tờ BĐĐC số 09, xã Sơn Mùa	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	
7	Công trình thủy lợi Đăk Xút	0,5	0,5		0,5	DTL	Xã Sơn Dung	Xã Sơn Dung	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	
8	Xây dựng đường lên thác Lụa, thôn Bà He	3,00	3,00		3,00	DGT	Xã Sơn Tinh	Xã Sơn Tinh	Nghị Quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế- Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây (Nguồn vốn Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)	
9	Đường Mãng Lãng - Ông Trà (giai đoạn 2)	3,0	3,0		3,0	DGT	Xã Sơn Long	Xã Sơn Long	Nghị Quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế- Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây (Nguồn vốn Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)	
10	Cầu Treo đường dẫn từ KDC Ra Pân - Xóm Ông Điều	0,7	0,7		0,7	DGT	Xã Sơn Long	Xã Sơn Long	Nghị Quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế- Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây (Nguồn vốn Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)	
11	Đường KDC Nước Niêm đi Nước Ngải	1,0	1,0		1,0	DGT	Xã Sơn Bua	Xã Sơn Bua	Nghị Quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/02/2025 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế- Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây (Nguồn vốn Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)	
B	Ngoài ngân sách									

STT	Công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
B.1 Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)										
12	Thủy điện Đăk Ba	50,53	0,65	34,14	0,65	DNL	Xã Sơn Bua, Sơn Mùa, Sơn Dung, Sơn Tân	Tờ bản đồ địa chính cơ sở số: - Sơn Bua: 668527, 668530 - Sơn Mùa: 66533-5; 662539-1 665530 665533 - Sơn Dung: 662533-9; 662536-7; 659536-2; 662536-9 - Sơn Tân: 662539-2; 662539-3; 662542-1; 662542-2; 662539-4	QĐ chủ trương đầu tư số 2170/QĐ-UBND ngày 10/12/2015; QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 17/04/2019 về việc điều chỉnh trương đầu tư (lần thứ nhất); QĐ số 407/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 về việc điều chỉnh trương đầu tư (lần thứ hai); QĐ số 484/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, (điều chỉnh lần thứ ba);	Tổng diện tích đăng ký thu hồi đất trong KHSDĐ 2018 là 50,53 ha; Đã thực hiện thu hồi 34,14 ha. Nay đăng ký diện tích thực hiện trong năm kế hoạch là 0,65 ha
13	Thủy điện Đăk Đrinh 2	41,13	13,11		13,11	DNL	Xã Sơn Tân	Mảnh BĐĐCCS số 662542 và 665542	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Thủy điện Đăk Đrinh 2;	Tổng diện tích dự án là 41,13 ha; Đã thực hiện thu hồi 28,02 ha
B.2 Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)										
Tổng cộng		105,21	27,31	34,14	27,31					

Biểu 1.8

ĐANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN LÝ SON
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)		Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
			Diện tích thực hiện năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A Trong ngân sách										
<i>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)</i>										
1	Đường giao thông nông thôn Tuyến Ngã năm - Chùa Hải Lâm	0,4	0,4		0,4	DGT	An Hải Huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ số 40, 47	QĐ số: 1369/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND huyện Lý Sơn về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông nông thôn Tuyến Ngã năm - Chùa Hải Lâm; QĐ số 1549/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Lý Sơn về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.	
2	Hồ chứa nước Suối Cùng	1,10	0,23		0,23	DTL	An Hải Huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ số 40	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2023, nguồn vốn ngân sách địa phương	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 1,10 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,87 ha
B Ngoài ngân sách										
<i>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)</i>										
3	Hoàn thiện lưới điện khu vực huyện Nghĩa Hành, Ba Tơ, Sơn Hà và huyện Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022	0,01	0,01		0,01		Huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ 01 đến 63	Quyết định số 416/QĐ-HĐTV ngày 04/6/2021 của Tổng Cty Điện lực Miền trung về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 đợt 1	Tổng diện tích đăng ký KH2022 là 0,01 ha. Đang lập phương án bồi thường
Tổng cộng:		1,51	0,24	0,00	0,24					

Biểu 1.9



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN MỘ ĐỨC

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Khu dân cư phía Tây chợ Thạch Trụ, xã Đức Lân	1,60	1,60		1,60	ONT	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	
2	Mở rộng trường mầm non Đức Phong	0,10	0,10		0,10	DGD	Xã Đức Phong	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 103/QĐ-UBND, ngày 16/01/2020 của UBND huyện Mộ Đức về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020	Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 0,10 ha. Đã có thông báo thu hồi đất
3	Khu dân cư Bắc Trung tâm y tế huyện Mộ Đức	1,10	1,10		1,10	ONT	Xã Đức Thạnh, xã Đức Hòa	Tờ BĐ số 1, 4, 7 xã Đức Thạnh và tờ BĐ số 3 xã Đức Hòa	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 1,10 ha. Đã phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500, chưa có thông báo thu hồi đất.
4	Khu dân cư Mỏ Cây - Phước Sơn, xã Đức Hiệp	2,10	2,10		2,10	ONT	Xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 17	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 2,10 ha. Đã phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500, chưa có thông báo thu hồi đất.
5	Khu dân cư Mẫu Ba, thôn Lương Nông Bắc	2,10	2,10		2,10	ONT	Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Diện tích đăng ký KH năm 2023 là 2,10 ha. Đã phê duyệt đồ án quy hoạch 1/500, chưa có thông báo thu hồi đất.
6	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thạnh	1,31	1,31		1,31	ONT	Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 6, 7	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Diện tích đăng ký KH năm 2022 là 1,31 ha. Đã có thông báo thu hồi đất, đang xin giá đất cụ thể để áp giá bồi thường

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
7	Tuyến đường Bầu Súng - Biên Đạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	4,46	0,49		0,49	DGT	Xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh	Tờ BĐ số 19, 20, 25 và 26 xã Đức Chánh; Tờ BĐ số 6, 7, 15 và 19 xã Đức Minh và Tờ BĐ số 03, 14 và 17 xã Đức Thạnh	Quyết định vốn số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 17315/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 4,46 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,97 ha
8	Tuyến đường Đức Tân (Quẹo Thửa Xuân) - Quốc lộ 24 (đoạn nội thị)	4,43	1,01		1,01	DGT	Xã Đức Tân; thị trấn Mộ Đức	Tờ số 6 và 9 xã Đức Tân; tờ 03, 04, 08, 09, 11, 12 và 16 thị trấn Mộ Đức	Quyết định vốn số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 của HĐND huyện Mộ Đức; Quyết định số 17316/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 4,43 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,42 ha
9	Khu dân cư Vĩnh Thành, xã Đức Minh	1,97	0,57		0,57	ONT	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 20	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 1,97 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,40 ha
10	Khu dân cư và tái định cư thị trấn Mộ Đức	1,11	1,11		1,11	ODT	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 5	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 1,40 ha (nay giảm còn 1,11 ha), chưa có thông báo thu hồi đất
11	Xây dựng khu thể thao, vận động của xã Đức Chánh	1,00	1,00		1,00	DTT	Xã Đức Chánh	Tờ bản đồ số 19	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND, ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã Đức Chánh về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng Khu thể thao, vận động của xã Đức Chánh; Quyết định số 531/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND huyện Mộ Đức phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng Khu thể thao, vận động của xã Đức Chánh	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 1,22 ha (nay giảm còn 1,00 ha), đã có thông báo thu hồi đất

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
12	Mở rộng điểm đen giao thông tuyến ĐT.627B - Quốc lộ 1	0,03	0,03		0,03	DGT	Xã Đức Nhuận	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu và nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021; Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND huyện Mộ Đức về việc phân khai kinh phí cho Ban An toàn giao thông huyện	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 0,02 ha (nay tăng lên 0,03 ha), đã có thông báo thu hồi đất, đang xin giá đất cụ thể và giá đất tái định cư
13	Nhà văn hoá thôn Chú Tượng	0,14	0,14		0,14	DVH	Xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 15	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND xã Đức Hiệp về việc đầu tư xây dựng công trình: Nhà Văn Hóa thôn Chú Tượng, hạng mục: Thu hồi đất, san nền, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của HĐND xã Đức Hiệp về việc cho chủ trương bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách xã để thực hiện công trình: Nhà Văn Hóa thôn Chú Tượng, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	Diện tích đăng ký KH năm 2020 là 0,14 ha. Đã có thông báo thu hồi đất
14	Khu TMDV và khu dân cư Nam Quán Hồng, xã Đức Phong	2,44	1,34		1,34	ONT+TMD	Xã Đức Phong	Tờ bản đồ số 26	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 2,44 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,10 ha
15	Khu dân cư Tân Phú, xã Đức Lợi	3,60	0,79		0,79	ONT	Xã Thắng Lợi	Tờ bản đồ số 33	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 3,60 ha; Đã thực hiện thu hồi 2,81 ha
16	Đường QL1A - Đường Đông thị trấn Mộ Đức (Nút N5) và khu dân cư	1,28	0,18		0,18	DGT	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 6	Quyết định số 416/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Mộ Đức về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025	Tổng diện tích đăng ký KH 2019 là 1,28 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,10 ha
17	Cụm công nghiệp thị trấn Mộ Đức	30,46	30,46		30,46	SKN	Thị trấn Mộ Đức và xã Đức Tân	Tờ bản đồ số 11, 12, 16, 19 thị trấn Mộ Đức; tờ bản đồ số 11 xã Đức Tân	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND, ngày 20/2/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Mộ Đức về việc thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 35,00 ha (nay giảm còn 30,46 ha), thông qua Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
18	Tuyến đường vào vùng lõi trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi	1,19	0,05		0,05	DGT	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 18, 25	Quyết định số 3956/QĐ-UBND, ngày 24/9/2018 của UBND huyện Mộ Đức; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng diện tích đăng ký KH 2019 là 1,19 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,14 ha
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
19	Cụm công nghiệp An Sơn Đức Lân	50,41	39,21		39,21	SKN	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 25, 26, 38, 39 của xã Đức Lân	Quyết định số 968/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung cụm công nghiệp An Sơn - Đức Lân, huyện Mộ Đức vào Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 07/QĐ-UBND, ngày 14/01/2025 của UBND huyện Mộ Đức, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện Dự án: Cụm công nghiệp An Sơn - Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 50,41 ha; Đã thực hiện thu hồi 11,20 ha. Đã chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê 11,20 ha (đợt 1) tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc cho Công ty Cổ phần ESG E&C thuê đất
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
20	Chợ Thi Phô kết hợp khu dân cư (Dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)	4,73	4,73		4,73	ONT+DCH	Xã Đức Thạnh	Tờ bản đồ số 7, 8	Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định chấp thuận nhà đầu tư	Dự án thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Đã có Quyết định chủ trương đầu tư và Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. Công trình đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đăng ký thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
Tổng cộng:		115,56	89,42	0,00	89,42					

Biểu 1.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN SON HÀ
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Kè chống sạt lở Tà Man nối tiếp tại Km0+67 đến Km0	0,20	0,11		0,11	LUC, CLN,...	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 05/NQ-HĐND ngày 04/4/2023; phân bổ vốn tại QĐ 335/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 229/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 0,2 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,09 ha
2	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	10,11	3,41		3,41	LUC, CLN, RSX,...	Sơn Thượng	Tờ BĐĐC CS số 656548; 659548; 662545; 662545-9; số 17; 18 xã Sơn Thượng	Phê duyệt dự án tại QĐ số 1864/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh; phân bổ vốn tại QĐ số 3766/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 229/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 40/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2018 là 10,11 ha; Đã thực hiện thu hồi 6,70 ha
3	Cụm Công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà; Hạng mục: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung	0,70	0,30		0,30	LUC, HNK,...	xã Sơn Hà	Tờ BĐĐC cơ sở số 674560; Tờ BĐĐC cơ sở số 6 xã Sơn Hà	Phê duyệt dự án tại QĐ số 2083a/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của CT UBND huyện Sơn Hà; phân bổ vốn tại QĐ số 610/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 0,7 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,4 ha
4	Khu dân cư Gò Dếp	0,47	0,105		0,105	LUC, CLN,...	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng	Phê duyệt BC KT-KT tại QĐ số 2084/QĐ-UBND ngày 25/12/2020, 1909/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2024 là 0,47 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,365 ha
5	Kè từ cầu sông Rin đến Trường phổ thông DTNT THCS Sơn Hà	3,00	1,03		1,03	LUC, HNK, CLN, ODT,...	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 27 thị trấn Di Lăng	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 558/QĐ-UBND ngày 12/12/2020; phân bổ vốn tại QĐ số 3766/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; 2908/QĐ-UBND 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 3,00 ha; Đã thực hiện thu hồi 1.97 ha

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
6	Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC8, DC10, DC11, DC18 (giai đoạn 2); Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC3, DC4 (giai đoạn 1, giai đoạn 2) và Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC5, A4.	6,96	4,76		4,76	LUC, ODT,...	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 28/NQ-HĐND; 34/NQ-HĐND; 35/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND huyện, Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 30/10/2016; 3103/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; 3166/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2958/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; 2623/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của CT UBND huyện Sơn Hà; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 6,96 ha; Đã thực hiện thu hồi 2,2 ha
7	Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang thị trấn Di Lăng (giai đoạn 2)	2,80	0,60		0,60	RSX	Di Lăng, Sơn Thành	Tờ BĐĐC cơ sở số 668551 thị trấn Di Lăng và xã Sơn Thành	Dự án được Phê duyệt BC KT-KT tại QĐ số 5697/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 229/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 2,8 ha; Đã thực hiện thu hồi 2,2 ha
8	Trụ sở Trung tâm Truyền thông - văn hóa - Thể thao	0,10	0,10		0,10	CLN	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng	*Dự án đầu tư công, phê duyệt BC KT-KT tại QĐ số 2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 2235/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 4281/QĐ-UBND ngày 09/10/2021; 5655/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện. KHSĐĐ năm 2020 tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh; xin tiếp tục thực hiện năm 2024 tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh	Dự án chưa thực hiện công tác BT, GPMB
9	Đường ĐH.77 (Di Lăng - Sơn Bao)	6,06	4,94		4,941	LUC, HNK, CLN, RSX, ONT, ODT,...	Di Lăng - Sơn Bao	Tờ BĐĐC cơ sở số 665545 và 665548 thị trấn Di Lăng	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 4695/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 17/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 6,06 ha; Đã thực hiện thu hồi 1,119 ha
10	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	5,40	1,901		1,901	LUC, HNK, CLN, RSX, ODT,...	thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 668551 thị trấn Di Lăng	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 4635/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 5,40 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,499ha

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
11	Cầu Sông Tang (Sơn Bao)	0,90	0,54		0,54	LUC, HNK, CLN,...	Xã Sơn Bao	Tờ BĐĐC cơ sở số 668542 xã Sơn Bao	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 4633/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của CT UBND huyện; phân bổ kinh phí tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 0,9 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,36 ha
12	Đường ĐH.72 (Sơn Nham - Sơn Kỳ)	3,00	2,115		2,115	LUC, HNK, CLN, RSX, ONT,...	Sơn Cao, Sơn Linh, Sơn Nham	Tờ BĐĐC cơ sở số 2, 3, 5, 6 xã Sơn Linh	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 5692/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 337/QĐ ngày 22/12/2022; 229/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 3,0 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,885 ha
13	Khắc phục cầu Sơn Giang - Sơn Linh (xã Sơn Linh, Sơn Giang, huyện Sơn Hà)	2,50	1,257		1,257	LUC, HNK, ONT, TSC...	Sơn Giang, Sơn Linh	Tờ BĐĐC cơ sở số 6 xã Sơn Giang và số 14 xã Sơn Linh	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 154/QĐ-UBND ngày 25/02/2022, phân bổ vốn tại QĐ số 16/QĐ ngày 25/02/2022 của UBND huyện Sơn Hà	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 2,5 ha; Đã thực hiện thu hồi 1.243 ha
14	Xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Làng Rê, xã Sơn Giang	2,20	1,272		1,272	LUC, HNK, CLN, RSX,...	Sơn Giang	Tờ BĐĐC cơ sở số 5, xã Sơn Giang	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 2372/QĐ-UBND ngày 12/11/2022; phân bổ vốn tại QĐ số 164/QĐ-UBND ngày 12/11/2022; 426/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 356/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 2,2 ha; Đã thực hiện thu hồi 0.928ha
15	Khu Tái định cư Xà Riêng, xã Sơn Nham	2,00	2,00		2,00	LUC, CLN, RSX, ONT,...	xã Sơn Nham	Tờ BĐĐC cơ sở số 1, xã Sơn Nham	Dự án được phê duyệt tại QĐ số 2373/QĐ-UBND ngày 12/11/2022 của CT UBND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 164/QĐ-UBND ngày 12/11/2022; 426/QĐ-UBND ngày 30/12/2022; 356/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Sơn Hà.	Dự án chưa thực hiện công tác BT, GPMB
16	Cụm công nghiệp Sơn Hạ, huyện Sơn Hà (phần mở rộng)	13,30	12,542		12,542	LUC, HNK, CLN, ONT,...	xã Sơn Hạ	Tờ BĐĐC cơ sở số 674560; Tờ BĐĐC cơ sở số 6 xã Sơn Hạ	Dự án được phê duyệt dự án tại QĐ số 14a/QĐ-UBND ngày 18/02/2022; phân bổ vốn tại QĐ số 2905/QĐ-UBND ngày 24/12/2021; 93/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND huyện.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 13,3 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,758 ha
17	Trung tâm bảo tồn văn hóa dân tộc H're, hạng mục: Làng văn hóa H're và cảnh quan	0,97	0,97		0,97	LUC, HNK, CLN, ODT,...	Thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng	Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 42/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 2905/QĐ-UBND ngày 24/12/2021.	Dự án chưa thực hiện công tác BT, GPMB
18	KDC Cà Tu, hạng mục: Xây dựng HTKT DC19, CX7	0,60	0,60		0,60	LUC, HNK,...	Thị trấn Di Lăng	Tờ BĐĐC cơ sở số 665548 thị trấn Di Lăng	Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại NQ số 36/NQ-HĐND ngày 31/8/2021 của HĐND huyện; phân bổ vốn tại QĐ số 337/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 357/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện.	Dự án chưa thực hiện công tác BT, GPMB

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
19	Sân vận động xã Sơn Linh	1,12	1,117	0,453	0,664	LUC, HNK,...	xã Sơn Linh	Tờ bản đồ số 8	Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của chủ tịch UBND huyện Sơn Hà Về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số Chương trình, dự án khác.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 1,11665 ha; Hiện trạng đã có 0,453ha
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
20	Thủy điện Trà Khúc 1	292,16	246,52		246,52	LUC, HNK, CLN, RSX, SON...	Xã Sơn Hải, Xã Sơn Trung; xã Sơn Thủy	Tờ bản đồ số 1;2;3;4;5;6;7 xã Sơn Hải Tờ bản đồ số 1;2;3;4;5;6 xã Sơn Trung Tờ bản đồ số 1 xã Sơn Thủy	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 vv chấp thuận chủ trương đầu tư; số 894/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 (điều chỉnh lần 1); số 1020/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 2); số 759/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (điều chỉnh lần 3);	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 292,16 ha; Đã thực hiện thu hồi 45,64 ha
21	Thủy điện Trà Khúc 2	254,62	226,88		226,88	LUC, HNK, CLN, RSX, SON...	xã Sơn Nham: xã Sơn Thành: xã Sơn Giang: xã Sơn Linh.	Các tờ BĐĐC cơ sở xã Sơn Nham: xã Sơn Thành: xã Sơn Giang: xã Sơn Linh.	Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 (điều chỉnh chủ trương lần 1); Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 26/04/2024 (điều chỉnh chủ trương lần 2)	Tổng diện tích đăng ký KH 2024 là 254,62 ha; Đã thực hiện thu hồi 27,74 ha
22	Thủy điện Đăkđrinh 2	28,36	25,82		25,82	LUC, HNK, CLN, RSX, SON...	TT Di Lãng xã Sơn Bao	1. BĐĐC đất Lâm nghiệp số 13,16,17 xã Sơn Bao; 2. BĐĐC số 14 tỷ lệ 1/5000 xã Sơn Bao; 3. TBD địa chính số 5, 6 tỷ lệ 1/5000 thị trấn Di Lãng.	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Thủy điện Đăk Đrinh 2;	Tổng diện tích đăng ký KH 2024 là 28,36 ha; Đã thực hiện thu hồi 2,536 ha
23	Thủy điện ĐăkBa, hạng mục: Đầu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110kV	7,04	0,76		0,76	LUC, HNK, CLN, RSX, SON,...	Xã: Sơn Thượng, Sơn Bao, thị trấn Di Lãng	- Sơn Thượng: + 662545-2 - Sơn Bao: + 662542-3 + 662545-1 + 665545-8 + 665545-6 - Di Lãng: + 665548-4 + 665548-2	QĐ chủ trương đầu tư số 2170/QĐ-UBND ngày 10/12/2015; QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 17/04/2019 về việc điều chỉnh trương đầu tư (lần thứ nhất); QĐ số 407/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 về việc điều chỉnh trương đầu tư (lần thứ hai); QĐ số 484/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, (điều chỉnh lần thứ ba);	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 7,04 ha cả phần hành lang tuyến, diện tích quy hoạch móng trụ phải thu hồi là 0,76ha

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
24	Thủy điện Sơn Trà 1, (hạng mục: Tuyến đường dây 110kV đấu nối NMTĐ Sơn Trà 1 vào hệ thống điện Quốc gia)	1,46	1,46		1,46	LUC, CLN, RSX,...	xã Sơn Kỳ xã Sơn Thủy xã Sơn Hải, xã Sơn Trung xã Sơn Thượng TT Di Lăng	BĐDC khu đất: 01,02,03,04 xã Sơn Kỳ; số: 01,02,03,04,05,06 xã Sơn Thủy; số: 01,02,03 xã Sơn Hải; số: 01,02,03,04,05,06,07,08 xã Sơn Trung. số 01 xã Sơn Thượng; số: 01,02,03,04 TT Di Lăng	- Quyết định số 4971/QĐ-BCT ngày 22/5/2015 của Bộ Công thương; Giấy chứng nhận đầu tư số số 34121000076 ngày 08/6/2010 và điều chỉnh lần thứ 3 ngày 31/07/2018; Văn bản thống nhất hướng tuyến số 830/UBND-CNXD ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	
25	Thủy điện Trà Phong (hạng mục: Đường dây đấu nối và trạm biến áp 110Kv nhà máy Thủy điện Trà Phong vào lưới điện Quốc gia tại TBA Sơn Hà 110/220kV)	1,78	1,78		1,78	LUC, HNK, RPH,...	Sơn Bao, thị trấn Di Lăng	(Tờ bản đồ tỷ lệ 1/5000 của xã Sơn bao: Tờ 8, 9 và 14; thị trấn Di Lăng: Tờ 05 và 06; (Tờ bản đồ địa chính khu đất là 01,02,03,04,05,06,07,08, 09)	Chủ trương đầu tư: Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09/01/2019; Điều chỉnh lần thứ nhất tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 17/8/2020; Điều chỉnh lần thứ hai tại Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.	
26	Dự án thủy điện Sơn Linh	4,84	4,84		4,84	LUC, CLN, RPH,...	xã Sơn Linh	Tờ số 17	- Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Sơn Linh số 625/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. '- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 10/QĐ-UBND ngày 03/1/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.	
27	Dự án thủy điện Sơn Nham	24,64	15,42		15,42	LUC, HNK, CLN, RPH, RSX,...	Xã Sơn Nham, xã Sơn Linh	Tờ số 13 xã Sơn Nham Tờ số 6 và số 8 xã Sơn Linh	- Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quyết định chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Sơn Nham; - Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 điều chỉnh chủ trương đầu tư thủy điện Sơn Nham;	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 24,64 ha, diện tích đã thực hiện thu hồi là 9,22ha
28	Thủy điện Thạch Nham (Hạng mục Nhà máy thủy điện)	1,80	1,80		1,80	HNK, CLN, SON,...	Xã Sơn Nham	Tờ bản đồ số 02	- QĐ Chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư số: - QĐ 2612/QĐ-UBND ngày 15/12/2016; - QĐ 301/QĐ-UBND ngày 06/5/2020; - QĐ 14/CTĐT-UBND ngày 12/4/2021; - QĐ 1273/QĐ-UBND ngày 14/11/2022; - QĐ 1130/QĐ-UBND ngày 18/10/2023; - QĐ 572/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
29	Dự án thủy điện Long Sơn	7,86	7,36		7,36	LUC, HNK, CLN, RSX...	xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba	Tờ bản đồ số 12 và tờ bản đồ số 13	Quyết định Chủ trương đầu tư của UBND tỉnh: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 30/8/2019; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 (điều chỉnh lần 1).	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 7,86 ha, diện tích đã thực hiện thu hồi là 0,50ha
30	Thủy điện Đakdrinh: hạng mục: Đường dây tải điện 110kV và Chuyển đầu nối đường dây 110kV nhà máy thủy điện Đakdrinh về TBA 220 kV Sơn Hà	1,23	1,23		1,23	LUC, HNK, RSX...	TT Di Lăng	BĐĐCCS TT Di Lăng	CV 266/UBND-KTHT ngày 23/02/2017 của UBND huyện Sơn Hà V/v thỏa thuận hướng tuyến; Quyết định 12/QĐ ngày 24/2/2017 của HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Đakdrinh; Quyết định 1694/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND huyện Sơn Hà V/v phê duyệt kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	
31	Trạm Thủy văn Sơn Giang	2,74	2,74		2,74	HNK, CLN,...	xã Sơn Nham	Tờ BĐĐC số 4, 8 xã Sơn Nham	Công văn số 826/BTNMT-TCKTTV ngày 18/02/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc di chuyển trạm thủy văn Sơn Giang; Văn bản số 768/UBND-KTN ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc di chuyển Trạm thủy văn Sơn Giang thuộc mạng lưới Khí tượng thủy văn Quốc gia.	
32	Thủy điện Thạch Nham (Hạng mục: Tuyến đường dây 22KV đầu nối)	0,05	0,05		0,05	HNK, CLN,...	xã Sơn Nham	Tờ bản đồ địa chính số 02	QĐ 2612/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/12/2016 về chủ trương đầu tư dự án; QĐ 301/QĐ-UBND tỉnh ngày 06/5/2020 về ĐC chủ trương đầu tư dự án, QĐ 1723/QĐ-UBND tỉnh ngày 14/11/2022 về ĐC chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư; QĐ 1130/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/10/2023 về ĐC chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư; QĐ 572/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 Công văn số 4134/UBND-KTN ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh thống nhất thỏa thuận hướng tuyến QĐ 572/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	
Tổng cộng		690,97	576,33	0,45	575,88					

Biểu 1.11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN TƯ NGHĨA
 (Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất										
A	Trong ngân sách									
A.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
1	Bia tường niệm Di tích Hồ Hầm	0,02	0,02		0,02	DDD	xã Nghĩa Lâm	Tờ số 19	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND xã Nghĩa Lâm về việc phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2025	
2	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Tré	0,35	0,35	0,18	0,17	DGT	xã Nghĩa Thương	Tờ số 10	Quyết định số 6618/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách huyện	
3	Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa	5,60	1,80		1,80	SKN	TT La Hà, Nghĩa Thương	Tờ BĐĐC 24 TT La Hà, Tờ BĐĐC 8 xã Nghĩa Thương	QĐ số 6620/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu.	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 8,73 ha (nay giảm còn 5,6 ha); Đã thực hiện thu hồi 3,8 ha
4	Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa	14,00	1,62		1,62	ODT+CCC+DSN+TMD+...	thị trấn La Hà	Tờ BĐ số 11, 16, 17, 22	QĐ số 6620/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu.	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 14,00 ha; Đã thực hiện thu hồi 12,38 ha
5	Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	5,48	0,63		0,63	DGT	Xã Nghĩa Trung	Tờ 2, 5,9	QĐ số 6620/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 từ nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu.	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 5,48 ha; Đã thực hiện thu hồi 4,85 ha

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
6	Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương	0,14	0,14		0,14	DTL	Xã Nghĩa Phương	Tờ bản đồ số 9, xã Nghĩa Phương	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	KHSDD2023 (qd 314)
7	Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương	0,55	0,55		0,55	DGT	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 17 xã Nghĩa Thương	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	KHSDD2023 (qd 314)
8	Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông	0,30	0,30		0,30	DGT	Xã Nghĩa Hòa	Tờ bản đồ số 9 xã Nghĩa Hòa	Giao vốn tại Quyết định số 8629/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa	KHSDD2023 (qd 314)
9	Nghĩa Trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ	1,50	0,58		0,58	NTD	TT.Sông Vệ	Tờ BĐ số 27, TT Sông Vệ	QĐ 1064 ngày 28/3/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 1,50 ha; Đã thực hiện thu hồi 0,92 ha
10	Kè chống sạt lở bờ Sông Cây Bứa xã Nghĩa Phương	2,70	0,59		0,59	DTL	xã Nghĩa Phương	Tờ BĐ 3, 6, 7	QĐ số 133 ngày 22/2/2023 của UBND tỉnh, QĐ 1427/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 2,70 ha; Đã thực hiện thu hồi 2,11 ha
11	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	4,10	1,02		1,02	ODT+CCC	Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	Tờ bản đồ số 8,9, thị trấn Sông Vệ	Quyết định chủ trương: 205/QĐ-UBND ngày 1/1/2017 của UBND huyện Tư Nghĩa; điều chỉnh, bổ sung tại QĐ số 14491/QĐ-UBND ngày 08/9/2021; QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	Tổng diện tích đăng ký KH 2018 là 4,10 ha; Đã thực hiện thu hồi 3,08 ha
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									
12	Chùa Cảnh Tiên	0,22	0,22		0,22	TON	Xã Nghĩa Thương	Tờ 18, xã Nghĩa Thương	Công văn 2469/UBND-KTN ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh	KHSDD2022 (QĐ 1270; NQ 25/2022)
13	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền)	12,64	12,64		12,64	ONT+CCC	xã Nghĩa Điền	Tờ BĐ 4, 9, 10	QĐ số 84/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ số 289/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư	KHSDD2022 (NQ 36/2021)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
14	Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi	93,92	93,92		93,92	ONT+CCC	xã Nghĩa Hòa	Tờ bđ 1, 5, 6, 10, 11 xã Nghĩa Hòa	QĐ số 846/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư	KHSDĐ2023BS (qđ 937)
15	Mỏ đá Hòn Gai	9,9	5,25		5,25	SKS	xã Nghĩa Thuận	Tờ 22	Giấy phép khai thác số 22/GP-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh	Tổng diện tích đăng ký KH 2022, 2023 là 9,90 ha; Đã thực hiện thuê 4,74 ha
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
	Tổng cộng:	151,40	119,61	0,18	119,43					

Biểu 1.12

ĐANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN TRÀ BÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng		Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)	
I	Trong ngân sách										
1	BTXM tuyến đường nhà ông Hỷ đi nhà ông Bình	0,34	0,25	0,05	0,20	DGT	xã Trà Giang	Tờ BĐĐC số 07, 08 (tỷ lệ 1/1000) và tờ 06 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3727/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phê duyệt Báo cáo KT-KT; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh		
2	Nhà văn hóa thôn 2	0,16	0,16		0,16	DVH+ DGT	xã Trà Giang	Tờ BĐĐC số 06 (tỷ lệ 1/5000) và tờ số 04 (tỷ lệ 1/1000)	Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc phê duyệt Báo cáo KT-KT; Quyết định số 6268/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025, Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;	Dân hiến đất, không bồi thường	
3	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà Ông Ri đi nhà ông Bình (đoạn từ ngã 3 nhà bà Thủy đến Nhà văn hóa thôn 1)	4,00	0,30	0,20	0,10	DGT	xã Trà Giang	Tờ BĐĐC số 08, 09, 10 (tỷ lệ 1/1000) và tờ 06 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phê duyệt Báo cáo KT-KT; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh		
4	Đường vào Khu chôn cất thôn 2,3	1,80	1,10	0,20	0,90	DGT	xã Trà Thủy	Tờ BĐĐC số 67, 68 (tỷ lệ 1/1000), và tờ 108 (7), 112 (12), tỷ lệ 1/5000	Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 4841/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc điều chỉnh Phụ lục tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		
5	Đường dân sinh Tâm Rên đi Xã Bích	2,20	0,80	0,20	0,60	DGT	xã Trà Tân	Tờ BĐĐC số 07 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 6268/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch đầu tư công 2024 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục MTQG phát triển kinh tế -xã hội ùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1, từ năm 2021-2025 từ vốn ngân sách tỉnh		
6	Nối tiếp tuyến đường tổ 10 đi Ruộng Liên	1,09	0,30	0,05	0,25	DGT	xã Trà Tân	Tờ BĐĐC số 57, 58, 62 (tỷ lệ 1/1000) và tờ số 14 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 6268/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch đầu tư công 2024 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục MTQG phát triển kinh tế -xã hội ùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1, từ năm 2021-2025 từ vốn ngân sách tỉnh	Dân hiến đất, không bồi thường	
7	Nâng cấp tuyến đường Tà Vác	2,00	0,50	0,01	0,49	DGT	xã Trà Tân	Tờ BĐĐC số 07 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh		

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
8	Đường điện thôn Trường Giang	0,25	0,01		0,01	DNL	xã Trà Tân	Tờ BĐĐC số 59, 60 (tỷ lệ 1/1000), xã Trà Tân	Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 4541/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 3). Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh	
9	Điện sinh hoạt tổ 3, thôn 6	0,04	0,01		0,01	DNL	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 93, 94 (tỷ lệ 1/1000) và tờ BĐĐC số 15 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh	
10	Điện sinh hoạt tổ 17, 18 thôn 5	0,04	0,01		0,01	DNL	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 75 (tỷ lệ 1/1000) và tờ BĐĐC số 14 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh	
11	Điện sinh hoạt tổ 4, thôn 3	0,10	0,01		0,01	DNL	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 81, 82, 83 (tỷ lệ 1/1000) và tờ BĐĐC số 13 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh	
12	Khu thể thao xã	0,18	0,18		0,18	DTT	xã Trà Giang	Tờ BĐĐC số 10, xã Trà Giang	Quyết định số 3733/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 4088/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 2) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh	
13	Khu thể thao xã	1,50	1,21		1,21	DTT	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 13 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 4088/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 2) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh	
14	Cầu qua Suối Trà Bói	0,74	0,74	0,17	0,57	DGT	xã Trà Giang	Tờ BĐĐC số 9 (tỷ lệ 1/1000) và tờ số 6 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 4088/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 2) Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh	
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông QL24C đi UBND xã Trà Thuỷ	2,00	1,29	0,94	0,35	DGT	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 86 (tỷ lệ 1/1000) và tờ BĐĐC số 13 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng; Quyết định 3779/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án khởi công mới năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1) từ nguồn vốn ngân sách tỉnh	
16	Hoàn thiện, chống quá tải lưới điện khu vực huyện Trà Bồng (Hoàn thiện lưới điện trung, hạ áp giai đoạn 2021-2030 khu vực huyện Trà Bồng)	2,50	0,01		0,01	DNL	xã Trà Thuỷ	Tờ BĐĐC số 80, 81 (tỷ lệ 1/1000) và tờ BĐĐC số 09 (tỷ lệ 1/5000)	Công văn số 1208/ĐLTB-KHKT ngày 05/11/2024 của Điện lực Trà Bồng về việc bổ sung quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025; Quyết định số 6459/QĐ-QNPC, ngày 14/9/2024 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hoàn thiện, Chống quá tải lưới điện khu vực huyện Trà Bồng năm 2025	

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
17	Thủy lợi Nà Ba Rắc	2,95	0,70		0,70	DTL	xã Trà Lâm	Tờ BĐDC số 07 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
18	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - Thôn Đông (GD5)	9,00	0,35	0,10	0,25	DGT	xã Sơn Trà	Tờ BĐDC số 3 (tỷ lệ 1/2000) và tờ số 4 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
19	Cải tạo, BTXM đường từ ngã ba nhà ông Hùng xóm chợ đi Đồi Sim	0,65	0,65	0,20	0,45	DGT	xã Trà Phong	Tờ BĐDC số 07, 08 (tỷ lệ 1/2000) và tờ số 06, 07 (tỷ lệ 1/5000)	Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công điều chỉnh năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	
20	Tuyến đường số 2 nội vùng Hồ Nước Trong	13,60	13,52	9,90	3,62	DGT	xã Trà Tây	Các tờ bản đồ số 5, 6, 7, 8, tỷ lệ: 5000 xã Trà Tây; tờ bản đồ địa chính số 08, 11, 13, 14, 15, 17, 18 tỷ lệ 1/2000 (BĐ 245) xã Trà Thọ (cũ) nay là xã Trà Tây	Quyết định số 4943/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Trà Bồng về việc bố trí vốn cho các danh mục dự án khởi công mới năm 2022; Quyết định số 5944/QĐ-UBND ngày 04/12/2021; giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	KH 2022, NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
21	Nhà văn hóa xã Trà Giang	0,15	0,15		0,15	DVH	xã Trà Giang	Tờ BĐDC số 10	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công năm 2020 thực hiện chương trình MTQG XDNTM tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 97a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND xã Trà Giang về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nhà văn hóa xã Trà Giang, huyện Trà Bồng	KH 2022, NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
22	Nâng cấp, BTXM nối tiếp khu 9 đi khu 10, Hà Riêng	1,00	1,00		1,00	DGT	xã Trà Phong	Tờ BĐDC số 9, 10 (1/5000)	Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ khởi công năm 2020 thực hiện chương trình MTQG XDNTM tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Tây Trà (nay là huyện Trà Bồng) về việc giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện chương trình MTQG XDNTM năm 2020.	KH 2022, NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
23	Đường BTXM Sinh Lãnh đi Hồ Choại	0,52	0,50		0,50	DGT	xã Trà Giang	Tờ 07 (1/5000), tờ 13 (1/1000) xã Trà Giang	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
24	Nhà văn hóa thôn Hà Riêng	0,07	0,07		0,07	DVH	xã Trà Phong	Thửa đất 403, tờ bản đồ số 10 (Lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
25	BTXM tuyến đường từ nhà nhà Hòa Thắng đến khu 9 thôn Hà Riêng	6,09	6,09	3,10	2,99	DGT	xã Trà Phong	Tờ bản đồ số 9, lâm nghiệp Trà Phong	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
26	Đường từ trường Tiểu học tổ 3 thôn Cát cũ đến đất ông Thi	3,40	3,40	0,57	2,83	DGT	xã Trà Thanh	Tờ BĐDC số 06 (Đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/5000) và tờ BĐDC số 14 (dự án 245 tỷ lệ 1/2000)	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
27	Nước sinh hoạt đội 7 thôn Trà Kem	0,30	0,30		0,30	DCT	xã Trà Xinh	Tờ BĐĐC số 5,6	QĐ 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
28	Nước sinh hoạt đội 2,3 thôn Trà Veo	0,30	0,30		0,30	DCT	xã Trà Xinh	Tờ BĐĐC số 11, 12	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
29	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - thôn Đông (Giai đoạn 1 và giai đoạn 2)	9,00	1,50	0,40	1,10	DGT	xã Sơn Trà	Tờ BĐĐC số 4, 2	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
30	Nhà văn hoá xã Trà Bù	0,30	0,30		0,30	DVH	xã Trà Bù	Tờ bản đồ số 15 (bản đồ lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
31	Đường BTXM từ UBND xã đi tới 2 thôn Niên.	2,57	2,57	1,27	1,30	DGT	xã Trà Bù	Tờ bản đồ số 14, 15	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1). Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
32	Nhà văn hóa thôn Trà Khương	0,07	0,05		0,05	DVH	xã Trà Lâm	Tờ BĐĐC số 20 (tỷ lệ 1/1000)	QĐ 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
33	Đường dân sinh Khu chăn nuôi (Tuyến đường Tổ 19 đi Khu chăn nuôi)	0,96	0,96	0,50	0,46	DGT	xã Trà Tân	Tờ BĐĐC số 08, tỷ lệ 1/5000	QĐ 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
34	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Kim tổ 16A, thôn 5 đến giáp đường BTXM tổ 15, thôn 5	0,80	0,50	0,18	0,32	DGT	xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 85, 86	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
35	Đường BTXM tổ 1 đến tổ 2 thôn Bàng	2,14	2,14		2,14	DGT	xã Trà Hiệp	Tờ bản đồ số 17, 21, 32 (1/1000) và tờ bản đồ số 08 (1/5000)	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
36	Đường BTXM Tuyến nhà ông Thanh đến nhà ông Thuận tổ 1 thôn Cã	0,60	0,30	0,02	0,28	DGT	xã Trà Hiệp	Tờ BĐĐC số 42, 43 tỷ lệ 1/1000	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
37	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tổ 1 thôn Nguyễn	0,10	0,03		0,03	DCT	xã Trà Hiệp	Tờ bản đồ số 24, 25, 26 và tờ bản đồ số 05 đất lâm nghiệp	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
38	Đường UBND xã Trà Xinh - Trà Ôi	4,26	2,46	0,56	1,90	DGT	xã Trà Xinh	Tờ BĐĐC số 11 tỷ lệ 1/5000 và tờ BĐĐC số 08, 09 tỷ lệ 1/2000 (BD 245)	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
39	Cải tạo, BTXM đường từ nhà văn hóa thôn Trà Na (cũ) đi xóm ông Út (trường thôn)	0,28	0,12	0,03	0,09	DGT	xã Trà Phong	Thửa 341, tờ bản đồ số 3 (bản đồ lâm nghiệp)	Quyết định quyết số 3305/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án khởi công mới năm 2022 thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022
40	Nhà văn hoá xã Trà Thanh	0,30	0,30		0,30	DVH	xã Trà Thanh	Tờ bản đồ địa chính số 3 tỷ lệ 1/5000 đo vẽ năm 2007 đất lâm nghiệp	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
41	Hệ thống điện tổ 5, thôn Tây	0,01	0,00		0,00	DNL	xã Trà Bùi và xã Trà Tân	Tờ bản đồ địa chính số 3, xã Trà Bùi và tờ bản đồ địa chính số 30, 40 xã Trà Tân	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
42	Kéo đường dây điện 22KV Trà Nham - tổ 1,2 Nước Lát	0,10	0,01		0,01	DNL	xã Trà Tân và xã Hương Trà	Tờ bản đồ địa chính số 5, 6 (tỷ lệ 1/5000) xã Trà Thanh	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
43	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Xuông	0,50	0,50		0,50	DVH	xã Sơn Trà	Thửa 240, 241 tờ BĐĐC số 8	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
44	BTXM tuyến đường UBND xã Sơn Trà - thôn Đông (Giai đoạn 3)	9,00	0,20	0,10	0,10	DGT	xã Sơn Trà	Tờ BĐĐC số 06 đất lâm nghiệp	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
45	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã đi đội 3, thôn Trà Veo (đường nội vùng Hồ Nước Trong) nối tiếp	2,00	1,87	1,50	0,37	DGT	xã Trà Xanh	Tờ bản đồ địa chính số 7, 10, 11, 12, xã Trà Xanh (BĐ 245)	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (đợt 2) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
46	Nối tiếp đường BTXM tổ 4, thôn Trà Lương	0,41	0,26	0,07	0,19	DGT	xã Hương Trà	Tờ BĐĐC số 2 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
47	BTXM tuyến Dốc Chè đi tổ 1, tổ 2 thôn Cà Đam (nối tiếp)	0,45	0,45	0,03	0,42	DGT	xã Hương Trà	Tờ BĐĐC số 8, 11 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
48	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung tổ 1 và tổ 2 thôn Trà Huỳnh	0,03	0,03		0,03	DCT	xã Hương Trà	Tờ BĐĐC số 7 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
49	Thuỷ lợi Suối Doanh 2	0,05	0,05		0,05	DTL	xã Hương Trà	Tờ BĐĐC số 4 (BĐ đất lâm nghiệp)	Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
50	Cầu Suối Kem và đường dẫn	1,00	0,50	0,10	0,40	DGT	xã Trà Xanh	Tờ bản đồ số 05, 06 (bản đồ lâm nghiệp)	Quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2023 thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Trà Bồng	KH 2023; NQ số 08/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
51	Trường Mẫu giáo Trà Lâm	0,35	0,35		0,35	DGD	xã Trà Lâm	Tờ bản đồ địa chính số 06 tỷ lệ 1/5000	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững nguồn vốn; Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
52	Đường BTXM tuyến Hồ Văn Bảo - Hồ Văn Non (Tổ 4, thôn Trà Vân)	0,46	0,46		0,46	DGT	xã Hương Trà	Tờ bản đồ địa chính số 09, tỷ lệ 1/5000 (tờ 03, tỷ lệ 1/5000 xã Trà Nham cũ)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
53	BTXM tuyến đường nhà ông Hồ Văn Xanh, thôn Vàng (nối tiếp) đi đến khu căn cứ Tỉnh ủy Nà Trút	0,90	0,50	0,11	0,39	DGT	xã Trà Tây	Tờ bản đồ địa chính số 12 tỷ lệ 1/5000 (Tờ 02, tỷ lệ 1/5000 xã Trà Trung cũ)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
54	Đường dân sinh Trà Ngon	1,11	0,70	0,41	0,29	DGT	xã Trà Tân	Tờ bản đồ địa chính số 08 và 14, tỷ lệ 1/5000	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1). Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
55	Đường dân sinh Chà Ngoan	0,60	0,40	0,11	0,29	DGT	xã Trà Tân	Tờ bản đồ số 08 tỷ lệ 1/5000	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
56	Đường từ nhà ông Rếp đi Nghĩa trang xã	0,77	0,50	0,27	0,23	DGT	xã Trà Tân	Tờ bản đồ địa chính số 09 và 15, tỷ lệ 1/5000	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1). Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.	KH 2023; NQ số 20/2023/NQ-HĐND ngày 03/8/2023
57	Đường TL622 - Trà Hoa	2,60	2,60	0,73	1,87	DGT	xã Trà Lâm	Tờ bản đồ địa chính số 03, 04, 10 (1/1000), tờ bản đồ địa chính số 02 (1/5000)	Quyết định 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: Đường TL622 - Trà Hoa.	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
58	Nâng cấp tuyến đường Eo Xà Lan đi thôn Sơn, xã Sơn Trà giai đoạn 1	3,10	1,90	1,15	0,75	DGT	xã Sơn Trà	Tờ BĐĐC 05, 06, 07 (BĐ 245); tờ bản đồ số 03, 04 (1/5000)	Quyết định 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường Eo Xà Lan đi thôn Sơn, xã Sơn Trà giai đoạn 1	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
59	Điện sinh hoạt tổ 6 và 7 thôn Sơn, xã Sơn Trà	0,60	0,03		0,03	DNL	xã Sơn Trà	Thuộc tờ bản đồ số 05, 06 (BĐ 245)	QĐ 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Điện sinh hoạt thôn tổ 6 và 7 thôn Sơn, xã Sơn Trà;	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
60	Hệ thống điện tổ 1, tổ 6, thôn Niên	0,50	0,02		0,02	DNL	xã Trà Bùi và Trà Tân	Tờ bản đồ địa chính số 11, 12, 17 xã Trà Bùi và 59, 60 xã Trà Tân	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Hệ thống điện tổ 1, tổ 6, thôn Niên	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
61	Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ xã Trà Lâm	0,07	0,07		0,07	DVH	xã Trà Lâm	Tờ BĐDC số 34	Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 07/4/2020 của Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa huyện Trà Bồng về việc phân bổ kinh phí đầu tư hạng mục: San lấp mặt bằng xây dựng công trình Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ tại xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng từ nguồn kinh phí quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" huyện Trà Bồng	KH 2021; NQ 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020
62	Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ xã Trà Thủy	0,11	0,11		0,11	DVH	xã Trà Thủy	Tờ BĐDC số 13 (1/5000)	Quyết định số 02/QĐ-BQL ngày 26/6/2018 của Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa huyện Trà Bồng về việc phân bổ kinh phí đầu tư hạng mục: San lấp mặt bằng xây dựng công trình Nhà bia tưởng niệm Liệt sĩ tại xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng từ nguồn kinh phí quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" huyện Trà Bồng; Quyết định 2634/QĐ-UBND huyện ngày 14/8/2018 của về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công	KH 2021; NQ 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020
63	Đường điện từ nhà ông Sang đi Trà Bói	0,02	0,01		0,01	DNL	xã Trà Giang	Tờ bản đồ địa chính số 04, 07, 08, 09, 10	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Đường điện từ nhà ông Sang đi Trà Bói	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
64	Kéo đường dây điện tại các khu dân cư	0,03	0,01		0,01	DNL	xã Trà Xinh	Tờ bản đồ địa chính số 10, 11, 12 (1/2000) và 11, 12 (1/5000)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (đợt 1), Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng Công trình: Kéo đường dây điện tại các khu dân cư	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
65	Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Tân	0,16	0,16		0,16	DCT	xã Trà Tân	Tờ BĐDC số 23-31; 35; 36; 40-43; 49-54; 57-60; 63;64 (1/1000)	QĐ 3343/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Hệ thống nước sinh hoạt xã Trà Tân	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
66	Trường mầm non Trà Xinh	0,25	0,25		0,25	DGD	xã Trà Xinh	Tờ bản đồ địa chính số 12 tỷ lệ (1/5000)	Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 (đợt 2) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững nguồn vốn; Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh; Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 15/2/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trường Mầm non Trà Xinh; Hạng mục: GPMB, San nền; Nhà lớp học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
67	Mở rộng đường dân sinh từ tổ 6, thôn Tây đi thôn Tang	6,42	0,90	0,04	0,86	DGT	xã Trà Bùi	Tờ bản đồ số 69 (1/5000), tờ số 2 (1/1000)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
68	Đường BTXM tổ 3, thôn 6	0,40	0,40	0,15	0,25	DGT	xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 15 (1/5000); tờ 93, 94 (1/1000)	Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1). Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
69	Đường BTXM từ nhà ông Hồ Văn Tâm tổ 3, thôn 3 đến ngã 3 đường dân sinh	2,03	0,50	0,30	0,20	DGT	xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 12 (1/5000)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
70	Cải tạo đường BTXM tổ 1, thôn 3 từ QL 24C đến nhà ông Hồ Văn Lĩnh	0,60	0,30	0,14	0,16	DGT	xã Trà Thủy	Tờ bản đồ số 13 (1/5000); tờ 70, 71 và 80 (1/1000)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
71	Nối tiếp Đường BTXM tổ 3 đi tổ 1,2 thôn Trà Hoa	0,50	0,50	0,28	0,22	DGT	xã Trà Lâm	Tờ bản đồ số 2 (1/5000)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
72	Thủy lợi Nước Con Lang	1,74	0,20		0,20	DTL	xã Trà Lâm	Tờ bản đồ số 28, 34 và 35 (1/1000)	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 2). Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh	KH 2023; NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
73	Nhà văn hóa thôn Trà Hoa	0,05	0,05		0,05	DVH	xã Trà Lâm	Thửa số 15, tờ bản đồ số 13	Quyết định 2383/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo KTKT, Quyết định 3382/QĐ-UBND ngày 10/09/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao Kế hoạch đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2019.	KH 2019; NQ 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018
74	Tuyến đường vào và hạ tầng cụm công nghiệp thị trấn Trà Xuân	1,94	0,55		0,55	DGT	TT. Trà Xuân	Tờ BĐĐC số 09, 19	Quyết định số 4955/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021; Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao và tiết kiệm chi năm 2023 (đợt 1 - Hỗ trợ mục tiêu cho các địa phương thực hiện các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh)	KH 2021; NQ số 22/2021/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 (Tổng diện tích dự án là 1,94 ha; đã THĐ đất đợt 1 là 1,39 ha)
75	Sửa chữa khắc phục mái ta lỳ âm khuôn viên Trụ sở Huyện ủy Trà Bồng	0,12	0,06		0,06	TSC	TT. Trà Xuân	Tờ BĐĐC số 06, 16	Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa khắc phục mái ta lỳ âm khuôn viên trụ sở làm việc Huyện ủy Trà Bồng	KH 2021; NQ số 22/2021/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 (Tổng diện tích dự án là 0,12 ha; đã THĐ đất đợt 1 là 0,06 ha)
II	Ngoài ngân sách									

TT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
76	Mở rộng Chùa Kim Long	0,09	0,09		0,09	TON	TT. Trà Xuân	Tờ bản đồ số 18	Đơn xin đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 của Đại diện Chùa Kim Long (Xin mở rộng)	KH 2022, NQ 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022
77	Khu dân cư Ngõ Đồn 2	9,26	8,53		8,53	ODT+ CCC+ TMD+ DKV...	TT. Trà Xuân	Tờ BĐĐC số 09, 19 và 20	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi chấp thuận Chủ trương đầu tư; Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư	KH 2022; NQ số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022; Điều chỉnh 2023, NQ số 22/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023
78	Thủy điện Trà Phong (Bao gồm Đường dây đầu nối và trạm biến áp 110Kv nhà máy Thủy điện Trà Phong vào lưới điện Quốc gia tại TBA Sơn Hà 110/220kV)	97,72	82,56		82,56	DNL+ DGT	xã Sơn Trà, Trà Phong, Trà Xinh và Trà Tây	Tờ BĐ tỷ lệ 1/5000 các xã Trà Xinh: tờ 2, 5, 6, 11 và 12; Trà Phong: tờ 5, 6, 8 và 9; Sơn Trà: tờ 3 và 5; Trà Tây: tờ 6, 9, và 10 (Tờ BĐ trích đo số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 và 09, 10 và 11)	Chủ trương đầu tư: Quyết định của UBND tỉnh: Số 19/QĐ-UBND ngày 9/01/2019; số 490/QĐ-UBND ngày 17/8/2020; số 607/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 và số 59/QĐ-UBND ngày 16/01/2024.	KH 2019 NQ số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019; (Tổng diện tích dự án 99,50 ha, thuộc huyện Trà Bồng 97,72 ha; đã THĐ đất đợt 1 là 15,16 ha)
79	Thủy điện Kà Tinh (Bao gồm Đường dây đầu nối Thủy điện Kà Tinh vào lưới điện quốc gia, phần đường dây 35KV đầu nối và mở rộng ngăn lộ 35KV tại trạm trung gian Trà Bồng)	55,79	50,14		50,14	DNL+ DGT	xã Trà Lâm, Trà Sơn, Trà Thủy và TT Trà Xuân	Tờ BĐĐC số 68, 77, 78, 79, 80, 81 (1/1000), tờ số 12, 13 (1/5000) xã Trà Thủy; tờ BĐĐC số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 12, 13, 14 (1/1000), tờ số 1, 2, 11 (1/5000) xã Trà Sơn; tờ BĐĐC số 3, 6 (1/5000) xã Trà Lâm; tờ BĐĐC số 13, 14, 17, 26, 27, 28, 29 (1/1000) thị trấn Trà Xuân (Tờ BĐ trích đo số 1-20)	Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Quyết định chủ trương đầu tư, Dự án Thủy điện Kà Tinh; Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 1 Dự án thủy điện Kà Tinh	KH 2019; NQ số 01/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019, Bổ sung 2021, NQ số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Tổng diện tích dự án là 55,79 ha; đã THĐ đất đợt 1 là 5,65 ha)
80	Thủy điện Trà Phong 1C (Bao gồm Đường dây đầu nối)	26,50	26,50		26,50	DNL+ DGT	xã Trà Xinh	Tờ BĐĐC số 01, 05 và 06 (1/5000)	Quyết định 2361/QĐ-BCT ngày 07/9/2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn các tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam; Công văn số: 3435/SNNPTNT-KL Quảng Ngãi, ngày 24/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi về việc xác định kết quả khảo sát đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Dự án thủy điện Trà Phong 1C	KH 2022; NQ số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022
Tổng cộng		306,69	228,37	24,14	204,23					

Biểu 1.13

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN SON TỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn,...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(12)
A Trong ngân sách										
A.1 Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)										
1	Tuyến N15 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	0,36	0,36	0,36	DGT	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án Tuyến N15 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nguồn vốn ngân sách địa phương		
2	Tuyến đường trục ngang N3 thuộc đồ án quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh	3,48	3,48	3,48	DGT	Thị trấn Tịnh Hà và xã Tịnh Bình	Thị trấn Tịnh Hà tờ bản đồ số 9, 14, 15; xã Tịnh Bình tờ bản đồ số 36	Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường trục ngang N3 theo đồ án quy hoạch chung đô thị mới Sơn Tịnh; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nguồn vốn ngân sách địa phương		
3	Tuyến đường huyện ĐH.15 (Bình Hiệp - Tịnh Trà)	6,77	6,77	6,77	DGT	xã Tịnh Trà, xã Tịnh Bình, xã Tịnh Thọ	xã Tịnh Trà tờ bản đồ số: 15, 23, 24, 25, 26, 34; xã Tịnh Bình tờ bản đồ số: 1, 5, 6; xã Tịnh Thọ tờ bản đồ số: 20, 21, 23, 24, 25	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường huyện ĐH.15 (Bình Hiệp - Tịnh Trà); Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/10/2024 của HĐND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, nguồn vốn ngân sách địa phương		

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn,...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Tịnh Bắc – Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh	0,862	0,862		0,862	DCT	Xã Tịnh Sơn, Tịnh Bắc, Tịnh Đông	Tờ bản đồ số 15 xã Tịnh Sơn; Tờ bản đồ số 12 xã Tịnh Bắc; Tờ bản đồ số 26 xã Tịnh Đông	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 0,862 ha
5	Khu dân cư OM6 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	10,31	2,44		2,44	ODT	Thị trấn Tịnh Hà và xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19, 20 xã Tịnh Sơn; Tờ bản đồ số 14 thị trấn Tịnh Hà	Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình: Khu dân cư OM6 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới; Công văn số 24/HĐND ngày 23/5/2019 của HĐND huyện về việc thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư Công trình: Khu dân cư OM6 tại trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới; Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 Điều chỉnh chủ trương đầu tư (tổng mức đầu tư) Dự án: Khu dân cư OM6 (giai đoạn 2); Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 15/9/2022 của HĐND huyện Điều chỉnh chủ trương đầu tư (tổng mức đầu tư) Dự án: Khu dân cư OM6 (giai đoạn 2); Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu dân cư OM6 tại Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới (giai đoạn 2)	Tổng diện tích đăng ký KH 2017 là 10,31 ha; đã thực hiện thu hồi 7,87 ha
6	Khu thương mại - Dịch vụ và dân cư Tịnh Phong	4,94	0,40		0,40	ONT	xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 35	Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn xây dựng năm 2018 và trả nợ xây dựng cơ bản	Tổng diện tích đăng ký KH 2018 là 4,94 ha; đã thực hiện thu hồi 4,54 ha
7	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện Chợ Đình - Tịnh Trà - Bình Chương (ĐH.13B)	3,50	0,37		0,37	DGT	Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 01, 05, 10, 15, 42	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 3,50 ha; đã thực hiện thu hồi 3,13 ha
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân – Quốc lộ 24B – Tịnh Thọ (Bình Hiệp – Tịnh Trà) (ĐH20).	6,90	5,81		5,81	DGT	Thị trấn Tịnh Hà và xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 06, 07, 11, 16, 17, 32, 35 thị trấn Tịnh Hà; Tờ bản đồ số 46, 46, 50, 51, 53, 60, 62 xã Tịnh Thọ	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 6,90 ha; đã thực hiện thu hồi 1,09 ha

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn,...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
9	Khu dân cư Đồng Trước	7,77	2,77		2,77	ODT	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND huyện về việc bổ sung danh mục đầu tư năm 2019	Tổng diện tích đăng ký KH 2020 là 7,77 ha; đã thực hiện thu hồi 5,00 ha
10	Khu tái định cư Rộc Ông Xã phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	2,02	0,02		0,02	ONT	Xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 47	Thông báo số 107a/TB-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh thông báo kết luận Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Văn Minh tại buổi làm việc với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 2,02 ha; đã thực hiện thu hồi 2,00 ha
11	Khu tái định cư Vườn Làng phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	3,36	0,12		0,12	ONT	Xã Tịnh Thọ và Tịnh Phong	Xã Tịnh Phong tờ bản đồ số 30; xã Tịnh Thọ tờ bản đồ số 52	Công văn số 289/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 3,36 ha; đã thực hiện thu hồi 3,24 ha
12	Trường Tiểu học Tịnh Hà (điểm trung tâm); Hạng mục: Mở rộng khuôn viên trường và các hạng mục khác	0,45	0,09		0,09	DGD	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 0,45 ha; đã thực hiện thu hồi 0,36 ha
13	Mở rộng tuyến QL1A - Nguyễn Thường	0,03	0,02		0,02	DGT	Xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 20	Quyết định số 196a/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND xã Tịnh Phong về việc thống nhất chủ trương xây dựng các công trình sử dụng đất năm 2022	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 0,03 ha; đã thực hiện thu hồi 0,01 ha
14	Trung tâm văn hoá (giai đoạn 2)	6,00	0,84		0,84	DVH	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14, 15, 20, 21	Quyết định số 4390/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 6,00 ha; đã thực hiện thu hồi 5,16 ha
B	Ngoài ngân sách									
B.1	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)									

TT	Hạng mục	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn,...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
15	Nhà làm việc Chi nhánh quản lý thủy nông số 2 - Sơn Tịnh	0,10	0,10		0,10	DTS	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14	Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình nhà làm việc Chi nhánh quản lý thủy nông số 2 - Sơn Tịnh	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 0,10 ha.
16	Dự án TBA 110kV Mỹ Khê và đầu nối	0,10	0,10		0,10	DNL	xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 29	Quyết định số 6819/QĐ-EVNPC ngày 10/8/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc phê duyệt tiến độ thực hiện	Tổng diện tích đăng ký KH 2021 là 0,10 ha.
17	Khu đô thị VSIP Quảng Ngãi - giai đoạn 1B	12,00	12,00		12,00	ODT	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 24, 27	Thông báo số 258/TB-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp tập thể lãnh đạo UBND tỉnh ngày 10/10/2019	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 12,00 ha.
18	Mở rộng chùa Phong Thạnh	0,30	0,30		0,30	TON	Xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 25	Quyết định số 196a/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND xã Tịnh Phong về việc thống nhất chủ trương xây dựng các công trình sử dụng đất năm 2022	Tổng diện tích đăng ký KH 2022 là 0,30 ha.
19	Xây dựng chùa Pháp Hoa	0,25	0,25		0,25	TON	Thị trấn Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 15	Công văn số 01/CV-CPH ngày 03/10/2022 của chùa Pháp Hoa về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và cam kết kinh phí để thực hiện việc xây dựng chùa Pháp Hoa tại thôn Lâm Lộc Nam, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 0,25 ha.
B.2	Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)									
20	Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi	12,40	12,40		12,40	SKK	xã Tịnh Thọ, xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 28, 34, 35, 41, 42, 47 xã Tịnh Thọ và tờ bản đồ số 16, 20, 24, 25 xã Tịnh Phong	Thông báo số 340/TB-UBND ngày 11/7/2024 Thông báo kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Hoàng Tuấn tại cuộc họp giao ban (mở rộng) với các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 08/7/2024	
21	Khu đô thị mới Tịnh Phong	150,00	150,00		150,00	ONT, DGT, TMD, DKV, DTL, DGD, DYT, ...	xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 24, 25, 26, 30, 31, 32, 34, 35, 43, 44, 45, 46	Công văn số 4469/UBND-CNXD ngày 18/9/2020 về việc nghiên cứu, khảo sát dự án Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Dung Quất II tại xã Bình Tân Phú, huyện Bình Sơn và xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh và Thông báo số 292/TB-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi kết luận của đồng chí Đặng Văn Minh - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 08/12/2020	Tổng diện tích đăng ký KH 2023 là 150 ha.
	Tổng cộng:	231,90	199,50	0,00	199,50					